

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỈNH

TÀI LIỆU GIÁO DỤC
ĐỊA PHƯƠNG

TUYỀN QUANG

LỚP **11**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VŨ ĐÌNH HÙNG – ĐOÀN THỊ THUỶ HẠNH (đồng Chủ biên)

NGUYỄN VĂN HIỀN – HOÀNG THỊ THU HIỀN – HOÀNG MINH CẢNH
NGUYỄN MINH ANH TUẤN – BÙI THANH THUỶ – NGUYỄN THỊ HƯƠNG

DƯƠNG THỊ OANH – HOÀNG GIA TRANG – HỒ THỊ HỒNG VÂN

ĐOÀN THỊ PHƯỢNG – NGUYỄN THỊ HẰNG – TRẦN THUỶ HẠNH

NGUYỄN THỊ DUNG – TRẦN HIẾU HẢI – TRẦN QUỲNH CHI

NGUYỄN TRUNG PHẦN – TẠ THỊ THUỶ HOÀN – NGUYỄN VĂN KHẢI

VŨ THỊ THANH THUỶ – BÙI THỊ HỒNG VÂN – NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THOA

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH

TUYÊN QUANG

LỚP **11**

Lời nói đầu

Các em thân mến!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Tuyên Quang – lớp 11 được biên soạn gồm 6 chủ đề: Văn học trung đại Tuyên Quang; Bác Hồ với Tuyên Quang; Kinh tế Tuyên Quang – Hội nhập và phát triển; Các yêu cầu của nghề nghiệp; Bình đẳng giới trong một số lĩnh vực ở tỉnh Tuyên Quang; Phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Tuyên Quang. Các chủ đề trên thuộc 3 lĩnh vực: Lịch sử, văn hoá; Địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; Chính trị – xã hội, môi trường. Từng chủ đề được thiết kế theo bốn hoạt động: (1) *Mở đầu*, (2) *Kiến thức mới*, (3) *Luyện tập*, (4) *Vận dụng*.

Nội dung cuốn tài liệu có sự kế thừa mạch kiến thức *Tài liệu Giáo dục địa phương – lớp 10*, giúp các em có thêm trải nghiệm, nhận thức sâu sắc, đầy đủ về những nét đẹp truyền thống độc đáo của mảnh đất và con người Tuyên Quang. Từ đó hình thành, nuôi dưỡng, phát triển những phẩm chất tốt đẹp, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, nâng cao ý thức bảo vệ, giữ gìn và bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống đặc sắc của quê hương.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Tuyên Quang – lớp 11 sẽ là người bạn đồng hành thân thiết với các em trong suốt năm học.

Chúc các em có những giờ học vui vẻ, ý nghĩa và bổ ích!

CÁC TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU



MỞ ĐẦU

Học sinh huy động kiến thức, kinh nghiệm cá nhân để tham gia hoạt động, tạo hứng thú trước khi vào chủ đề mới.



KIẾN THỨC MỚI

Học sinh thực hiện các hoạt động quan sát, thảo luận, tìm kiếm thông tin nhằm phát hiện và chiếm lĩnh những kiến thức mới.



LUYỆN TẬP

Học sinh sử dụng kiến thức, kỹ năng được trang bị để giải quyết các vấn đề, tình huống, bài tập,... nhằm khắc sâu kiến thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo một cách chắc chắn.



VẬN DỤNG

Học sinh giải quyết các tình huống, vận dụng bài học vào thực tiễn của bản thân tại gia đình, cộng đồng và địa phương nơi sinh sống.

Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các sở, ban, ngành, hội, báo Tuyên Quang và các trường học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	2
Hướng dẫn sử dụng tài liệu	3
Chủ đề 1. VĂN HỌC TRUNG ĐẠI TUYÊN QUANG	5
Chủ đề 2. BÁC HỒ VỚI TUYÊN QUANG TRONG CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945 VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1954)	17
Chủ đề 3. KINH TẾ TUYÊN QUANG – HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN	34
Chủ đề 4. CÁC YÊU CẦU CỦA NGHỀ NGHIỆP Ở TỈNH TUYÊN QUANG	43
Chủ đề 5. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC Ở TỈNH TUYÊN QUANG	58
Chủ đề 6. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH Ở TỈNH TUYÊN QUANG	67

CHỦ ĐỀ 1

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI TUYÊN QUANG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được một số nét cơ bản về văn học trung đại Tuyên Quang.
- Kể tên được một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Tuyên Quang.
- Phân tích được nội dung, nghệ thuật của một hoặc một số tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang.
- Thực hiện được một dự án/sản phẩm học tập về văn học trung đại Tuyên Quang (sưu tầm, giới thiệu, khảo sát đánh giá...).
- Trân trọng và gìn giữ các tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang; tích cực nghiên cứu và tìm hiểu các tác giả, tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang.



MỞ ĐẦU

Liệt kê các thông tin ở cột K và W theo bảng “KWL” về văn học trung đại Tuyên Quang như sau:

K	W	L
Chia sẻ những điều em biết về văn học trung đại Tuyên Quang (<i>nội dung, thể loại, tác giả, tác phẩm</i>).	Chia sẻ điều em muốn biết thêm về văn học trung đại Tuyên Quang.	Trình bày những nội dung em đã học được về văn học trung đại Tuyên Quang (<i>hoàn thành sau khi học xong chủ đề</i>).



I. KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI TUYÊN QUANG

Văn học trung đại Tuyên Quang có mối quan hệ mật thiết với văn học dân gian. Cùng với ảnh hưởng sâu sắc từ Nho giáo và Phật giáo, văn học trung đại Tuyên Quang cũng thể hiện những sắc thái riêng do hoàn cảnh lịch sử và truyền thống phong tục tạo nên.

Văn học trung đại Tuyên Quang được viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. Đó là các thể loại như: bi kí, thi, từ, phú, sắc phong, thần phả, đề từ, câu đối. Có nhiều tác phẩm mang giá trị lịch sử, văn hoá rõ nét, tiêu biểu như: Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc, Văn bia chùa Hương Nghiêm, Văn bia chùa An Vinh, Văn bia đền Hạ; sắc phong, đề từ đền Hạ, đền Thượng, đình Minh Cầm, đình Thọ Vực, đền Cảnh Sanh, đền Bắc Mực... Tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang tuy số lượng còn lại ít ỏi, không đồng đều ở các giai đoạn lịch sử, có tác phẩm khuyết danh nhưng là tài liệu quý hiếm về lịch sử, văn hoá, góp phần vào bức tranh toàn cảnh bản sắc văn hoá Việt Nam.

1. Nội dung

Tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang được hình thành từ nhiều nguồn cảm hứng khác nhau:

a) Về tình yêu quê hương đất nước, tinh thần gắn kết cộng đồng

– *Thiên nhiên tươi đẹp*

Rất nhiều tác phẩm đã thể hiện tình yêu quê hương xứ sở. Trong đền Thượng có câu đối ca ngợi thiên nhiên tươi đẹp của Tuyên Quang:

Sâm Sơn chung tú khí, Tuyên thành thảo mộc phát vinh
Lô thủy dục anh linh, thụ hải ngư long tiếp hoá
(*Núi Sâm hun đúc nên khí tốt chốn Thành Tuyên cỏ cây tươi tốt
Nước sông Lô nuôi dưỡng sự linh thiêng ngư long vẫy vùng*)

Hay như bức tranh sơn thủy hữu tình của nơi bái vọng qua bài từ ở đền Hạ:

Lô Giang tại kì tiền
La Sơn tại kì hậu
Nguy nga thiên cổ miếu
Quốc tộ tại dân tâm.

*(Sông Lô ở trước mắt
Núi Là ở sau lưng
Đền ở vị trí đẹp tồn tại hàng nghìn năm
Vận nước ở lòng dân.)*

Bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong những sáng tác văn học trung đại Tuyên Quang rất đẹp và gần gũi. Đó là hình ảnh dòng sông Lô oai hùng linh thiêng, là hình ảnh thiên nhiên cỏ cây tốt tươi, hùng vĩ của núi Là, núi Giùm (hay còn gọi là núi Dùm)... Tất cả tạo nên vẻ đẹp phong phú, ấn tượng về núi rừng xứ Tuyên.

– *Tinh thần gắn kết cộng đồng, ý thức về một quốc gia thống nhất*

Tuyên Quang có truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng cao. Thần phả *Phép tế lễ ở bản Minh Cầm xưa, Ngọc phả đình Thọ Vực* được gắn với truyền thuyết *Truyện đẻ trăm trứng*. Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc ghi lại tinh thần đoàn kết chống xâm lăng của cộng đồng các dân tộc thiểu số từ thời nhà Lý cùng mối quan hệ gắn bó giữa vua với các vị thủ lĩnh chốn lâm tuyền, làm nên sức mạnh giữ yên bờ cõi.

– *Ca ngợi các anh hùng dân tộc*

Các thần phả ghi lại những con người xuất chúng từ nhân dân mà ra như: Cao Sơn, Quý Minh, U Sơn, Ất Sơn... Khi có giặc ngoại xâm, họ biết đoàn kết toàn dân, hợp sức giúp vua tạo nên sức mạnh chống xâm lăng. Khi giặc tan, đất nước trở lại thái bình, được nhà vua ban thưởng nhưng họ không màng danh lợi, hiến dâng mọi tài lực cho dân rồi đi vào cõi trường tồn bất tử, để lại tiếng thơm muôn đời.

Thần phả đền Bắc Mực đã ghi lại công lao của vị anh hùng Trần Hưng Đạo giàu lòng yêu nước, thương dân, quyết trừ giặc ác; vừa lo thế trận vừa lo cứu nạn cho dân.

– *Phản ánh cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước*

Thần phả *Phép tế lễ ở bản Minh Cầm xưa* và *Ngọc phả đình Thọ Vực* đều diễn tả công cuộc chống ngoại xâm của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của các vị anh hùng Cao Sơn, Quý Minh, U Sơn, Ất Sơn giúp vua đánh tan quân xâm lược, giành lại thái bình và hạnh phúc cho trăm họ.

Bài *Trùng tu bi ký* ở đền Hiệp Thuận đã tái hiện cảnh loạn lạc, đền miếu bị phá huỷ và những di sản bị mất mát; nhân dân xứ Tuyên phải phục dựng nơi thờ vọng từ chốn đổ nát: "... Khoảng năm Đồng Khánh (1886 – 1888) gặp nạn binh đao, ngôi đền biến thành tro tàn, bao nhiêu đạo sắc phong của các triều đại, cùng ngọc phả của đền đều không còn một mảnh giấy..."

b) Về vấn đề lòng dân, vận nước

Các bi kí, thần phả, thi, từ, câu đối hay nhắc đến mối quan hệ giữa nhà vua – nhân dân – đất nước qua đó thể hiện cách nhìn của người xưa về một dân tộc thống nhất, trong đó nhân dân là lực lượng quyết định sự sống còn của quốc gia, dân tộc. Việc kết bạn, kết giao huynh đệ, kết tình phụ tử giữa nhà vua với người dân không chỉ thể hiện vẻ đẹp tinh thần của cha ông trong quá khứ mà còn cho thấy sách lược giữ nước của vương triều nhà Lý.

Đoàn kết toàn dân để làm nên sức mạnh chống ngoại xâm và xây dựng đất nước đã trở thành truyền thống lâu đời của các dân tộc Tuyên Quang. Tinh thần đó thể hiện trong những dòng bi kí cách đây hơn 900 năm, mô tả cảnh nhân dân đồng lòng, hiệp sức dựng chùa Bảo Ninh Sùng Phúc: “Đẽo gỗ rừng chan chát, chuyển quang sọt rộn ràng. Xà uốn cong cong, ngõ cầu vồng bắc nhịp; mái hiên xoè cánh như chim chóc tung bay”. Hay như bài từ đến Hạ nêu triết lí: “Vận nước ở lòng dân” hoặc câu đối chùa An Vinh:

*Nước nhà non sông bền vững mãi
Đạo Phật vô biên thánh ngày dài.*

c) Về phong tục và tín ngưỡng

Các tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang phản ánh các lễ hội dân gian, những sinh hoạt văn hoá tâm linh của đồng bào, có ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo và Phật giáo. Văn bia chùa Hương Nghiêm cũng ghi lại lễ nghi, phong tục dân gian, lễ Phật, lễ cầu mưa, cầu nắng: “Cứ đến ngày rằm và mừng một, tín đồ thập phương nổi gót cầu khẩn, tăng ni cúi đầu về phương nam ba lần vái lạy. Những khi trời đất không hoà thuận, cầu nắng thì được trời quang tạnh, khẩn mưa thì mưa trải khắp nơi”.

Trong *Tịch cư ninh thể phú* hay tập truyện *Thiên Nam vân lục liệt truyện* của Nguyễn Hàng, các yếu tố phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian hoà trộn với đạo Nho, đạo Phật. Chẳng hạn như các nghi thức ma chay, ăn trâu, lễ hội, cầu cúng, ẩm thực, phép đối nhân xử thế đều in đậm dấu ấn phong tục tập quán ở địa phương, nhiều nét còn lưu giữ đến ngày nay.

2. Thể loại

Văn học trung đại Tuyên Quang có nhiều thể loại phong phú:

– *Bi kí* là thể loại sớm hình thành và phổ biến, với các tác phẩm như: *Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi* (Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc), *Hương Nghiêm tự bi kí* (Văn bia chùa Hương Nghiêm), *Cổ tích danh lam minh viết* (Bài minh ghi chép về

sự tích danh lam), *Sâm Sơn Phật tự bi kí* (Bài bi kí chùa Sâm Sơn), *Viên Lâm thôn Hậu bi kí* (Bài bi kí về bà Hậu ở thôn Lâm Viên). Đó là những văn bia viết bằng chữ Hán, nói về lai lịch của danh lam hoặc công đức của người được thờ phụng.

– *Thi, từ, minh* đều là thơ, tác phẩm được ghi trong các thần phả hoặc khắc vào văn bia, nội ngoại thất các đình, miếu (ngọc phả đình Thọ Vực, sấm truyền chùa An Vinh...); có tác phẩm nằm ở phần kết sau mỗi bài bi kí văn xuôi (*Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc*, *Văn bia chùa Hương Nghiêm...*).

– *Câu đối*: Tiêu biểu có câu đối thành Tuyên, câu đối chùa An Vinh, câu đối đình Hồng Thái, câu đối đền Bắc Mực...

– *Phú*: Ba bài phú của Nguyễn Hàng đã ra đời ở Tuyên Quang là: *Đại Đồng phong cảnh phú*, *Tịch cư ninh thể phú*, *Tam Ngung động phú*.

– *Sắc phong*: Nhiều đình, chùa, đền, miếu ở Tuyên Quang được ban tặng sắc phong; tiêu biểu là sắc phong đền Hiệp Thuận (đền Hạ ngày nay), đền Thượng, đền Cảnh Sanh, đình Minh Cầm,... của các vua triều Lê và triều Nguyễn.

– *Đề từ*: Gồm những văn tự chữ Hán được ghi khắc ở đền Ngọc Hội (Chiêm Hoá), đền Thác Cái, đền Bắc Mực (Hàm Yên), đền Thượng, đền Hạ, đền Cảnh Sanh, đền Quang Kiều, đền Ý La (thành phố Tuyên Quang), đình Minh Cầm (Yên Sơn), đình Thọ Vực (Sơn Dương)... Các đề từ ghi chép tên đình, miếu, danh lam hoặc niên đại như Hiệp Thuận linh từ¹, Thượng Tự linh từ², An Vinh thiền tự (Chùa An Vinh),...

?

1. Trình bày khái quát nội dung các tác phẩm văn học trung đại của Tuyên Quang.

2. Nêu các thể loại văn học trung đại của Tuyên Quang.

II. TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

1. Lý Thừa Ân với *Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc*

Lý Thừa Ân sống vào khoảng cuối thế kỉ XI đầu thế kỉ XII, làm quan trong triều đại nhà Lý, giữ chức Triều thỉnh đại phu, Đông thượng cấp môn hậu, Thượng thư viên ngoại lang.

Bài văn bia có nhan đề *Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi* (*Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc*) được Lý Thừa Ân viết bằng chữ Hán, ra đời cách đây hơn 900 năm (1107– 2014).

¹ Hiệp Thuận linh từ: Tên chữ của đền Hạ đời Trần.

² Thượng tự linh từ: Đền Thượng.

Ngoài việc định danh ngôi chùa, Bảo Ninh Sùng Phúc còn có ý nghĩa sâu xa là giữ yên vận nước, hoặc gìn giữ yên bình cho phúc lớn cùng đạo lý và nghĩa vụ với Tổ quốc, với nhà vua. Đây là một trong 265 bảo vật quốc gia và là tấm bia cổ nhất Tuyên Quang. Bảo vật văn hiến này của Tuyên Quang giúp thế hệ sau hiểu rõ hơn về tâm hồn, tư tưởng của cha ông trong sự nghiệp gìn giữ nền thái bình muôn thuở. Ngoài giá trị lịch sử, đây còn là một di sản văn học quý được gìn giữ từ lâu đời.



Hình 1.1. Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (Nguyên văn chữ Hán)



Hình 1.2. Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (Bản dịch)

2. Ngô Hoàng với tác phẩm *Hương Nghiêm tự bi kí*

Theo tài liệu *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, tác giả Ngô Hoàng sống ở thời Lê, đỗ Tiến sĩ. Ông có tác phẩm tiêu biểu là *Hương Nghiêm tự bi kí*. Đây là một tác phẩm có giá trị văn học đồng thời thể hiện trí tưởng tượng phong phú, bay bổng của tác giả thời xưa.

Nguyên văn chữ Hán:

洞幽而古
巖瘦而香
創寺刻石
地久天長

Phiên âm:

Động u nhi cổ
Nham sấu nhi hương
Sáng tự khắc thạch
Địa cửu thiên trường.

Dịch nghĩa:

*Động sâu mà (có vẻ) cổ xưa
Trái núi đáng nhỏ mà lại có hương thơm bay
(Nơi đó) xây dựng chùa và tạc bia đá
(Để cho) muôn thuở (cùng với) trời đất.*

Dịch thơ:

*Động sâu in dấu tích xưa
Núi thanh thanh đáng, hương đưa ngọt ngào
Dựng chùa bia tạc năm nào
Đất trời bền vững biết bao tháng ngày.*

Nội dung bài kí cho thấy nơi thờ vọng có cảnh trí linh thiêng, hài hoà sơn thủy và bóng dáng cuộc sống sầm uất một thời với những sinh hoạt văn hoá tâm linh gần 500 năm trước.

3. Nguyễn Hàng với những bài phú Nôm về Tuyên Quang và *Thiên Nam vân lục liệt truyện*

Nguyễn Hàng sống và sáng tác ở xứ Tuyên cho đến cuối đời, khi già yếu về mất ở quê cũ tại làng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao (Phú Thọ). Các bài phú Nôm và tập *Thiên Nam vân lục liệt truyện* đều sáng tác ở Tuyên Quang. Nguyễn Hàng có các bài phú Nôm: *Tịch cư ninh thể phú* (Bài phú an thân nơi tĩnh lặng), *Đại Đồng phong cảnh phú* (Bài phú phong cảnh Đại Đồng). Nguyễn Hàng với tập *Thiên Nam vân lục liệt truyện* (39 truyện) bao gồm những câu chuyện về nguồn gốc dân tộc, về những vị anh hùng cứu nước, về địa linh nhân kiệt và những sinh hoạt phong tục tập quán của nhân dân.

4. Nguyễn Bính với thần phả *Phép tế lễ ở bản Minh Cầm xưa*

Nguyễn Bính là nhà biên khảo thần phả, thần tích, ngọc phả của Việt Nam, sống vào thế kỉ XVI (thời Lê Trung Hưng).

Thần phả *Phép tế lễ ở bản Minh Cầm xưa* là một văn bản chữ Hán không chỉ là tư liệu có tính chất lịch sử mà còn có ý nghĩa về văn hoá, văn học. Đó là một truyền thuyết nhắc lại sự hình thành dân tộc và tài đức, công lao của ba vị tướng thời đại Hùng Duệ Vương là Sơn Thánh và hai anh em Cao Sơn, Quý Minh; đặc biệt là sự xuất hiện của hai người anh hùng Cao Sơn và Quý Minh. Hai vị đã thuận lòng vua,

hợp ý dân, đánh tan giặc ngoại xâm được vua ban ấp ở bản Minh Cẩm, đã giúp nhân dân sống yên lành, hạnh phúc.

?

Kể tên các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Tuyên Quang.

III. TÁC PHẨM “ĐẠI ĐỒNG PHONG CẢNH PHÚ” CỦA NGUYỄN HÀNG

Nguyễn Hàng hiệu là Nại Hiên, là bậc danh bút cuối thời Lê, đầu thời Mạc. Ông thi đỗ kì thi hương khoảng niên hiệu Hồng Thuận (1509 – 1516). Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông bỏ không thi hội, đi ở ẩn ở làng Đại Đồng, phủ Yên Bình (nay là Yên Bái). Cùng với Nguyễn Bình Khiêm ở Bạch Vân am (Hải Dương), Nguyễn Dữ ở xứ lâm tuyền Thanh Hoá, Nguyễn Hàng ở trấn Đại Đồng (Tuyên Quang) là những danh nho tạo nên “thế chân vạc” trên văn đàn văn học trung đại Việt Nam thế kỉ XVI.

Bài phú *Đại Đồng phong cảnh* được xem như “thiên bút có một không hai” dưới vùng trời Nam đương thời. Dẫu viết theo yêu cầu của Vũ Văn Mật, ít nhiều có ngụ ý ca tụng uy thế Gia quốc công Vũ Văn Mật nhưng bài phú vẫn cho thấy xứ Đại Đồng ở Tuyên Quang lúc bấy giờ là vùng đất có cảnh quan tuyệt đẹp. Thậm chí, tác giả còn ca ngợi Đại Đồng là vùng đất của bậc vương giả, hội đủ những điều thiết yếu có thiên nhiên tươi đẹp, con người hài hoà gắn bó. Qua đó, bộc lộ niềm yêu mến thiết tha và lòng tự hào về mảnh đất và con người xứ Tuyên.

Thời bấy giờ, Đại Đồng thuộc phủ Yên Bình, Tuyên Quang. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, anh em Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật cai quản đất Tuyên Quang và chống lại nhà Mạc. Họ Vũ một mặt giúp binh lương cho Lê Trang Tông (khởi sự ở Thanh Hoá), một mặt củng cố nội bộ, cho nên khi ấy Đại Đồng là một vùng nổi tiếng phồn vinh, nhân dân tụ họp đông đúc, buôn bán thịnh vượng. Gia quốc công trấn thủ Tuyên Quang là Vũ Văn Mật mời Nguyễn Hàng cùng nhiều văn sĩ đến làm thơ phú ca ngợi phong cảnh Đại Đồng. Nguyễn Hàng đã sáng tác bài phú *Đại Đồng phong cảnh* theo thể quốc âm. Điều này khiến Vũ Văn Mật vui mừng, tặng Nguyễn Hàng hai nghìn lượng bạc. Đây là bài phú có “nhuận bút” cao nhất trong lịch sử văn chương nước ta thời bấy giờ.

ĐẠI ĐỒNG PHONG CẢNH PHÚ¹

Xem chừng:

Đặc khí thiêng liêng;

Nhiều nơi thanh lạ.

Non Xuân Sơn cao thấp triều tây;

Sông Lô Thuỷ quanh co nhiều tả.

Ngàn tây chia cánh phượng, dựng thuở hư không;

Thành nước uốn hình rồng, dài cùng dãy đá.

Đùn đùn non yên ngựa, mấy trượng khoẻ thể kim thang;

Cuốn cuộn thác Con Voi, chín khúc bên hình quan toả.²

Thêm có:

Lâu đài³ kể nước;

Hoa cỏ hướng dương.

Thược dược khéo mùi phần tươi tốt;

Mẫu đơn khoe hết bụi giàu sang.

Hây hây ngõ hạnh, tường đào, quanh nhà thái tổ;

Thay thay đường hoè, dặm liễu, hóng gió thiếu quang.

Má hồng điểm thức yên chi⁴, đầy vườn hạnh xem bằng quốc sắc;

Quần lục đượm mùi long não, dây tường lan, nức những thiên hương.

Xứ Đại Đồng dưới con mắt người nghệ sĩ có địa thế linh thiêng, kì vĩ và tươi đẹp. Tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả xứ Đại Đồng?

Cảnh dinh thự của Vũ Mật được miêu tả như thế nào? Những cảnh vật miêu tả ấy đã thể hiện cảm xúc, thái độ gì của Nguyễn Hàng?

¹ Phú: Thể văn vần hoặc xen lẫn văn vần và văn xuôi, câu thường kéo dài và chia làm hai vế bằng nhau, đối nhau, để tả phong cảnh, kể sự việc, bàn chuyện đời.

² Quan toả: Quan là cửa, toả là khoá. Ý nói phòng thủ vững chắc.

³ Lâu đài: Thành nhà Bầu do hai anh em Vũ Văn Uyên và Vũ Văn Mật cho xây dựng ở thế kỉ XVI.

⁴ Yên chi: một thứ sấp chế bằng chất hoa đỏ và thơm, dùng làm đồ trang sức của phụ nữ.

Lại có nơi:

Tiền nẻo vắng lai;

Ra nơi thành thị.

Tán đầu khăn⁵ hợp khách bốn phương;

Xe dù ngựa dong đường thiên lí.

Đùng đỉnh túi thơ, bầu rượu, nặng cổ thẳng hể;

Đạp dìu quần sả⁶, áo nghê⁷, dầu lòng con tí.

Diên đồi mỗi, châu châu, ngọc ngọc, nhiều chốn phồn hoa;

Viện thu thiên, ý ý la la, mười phần phú quý.

Xem phong cảnh chôn đã khác thường;

Gắm tạo hoá thực đà có ý.

Thừa mắc:

Trời sinh chúa thánh;

Đất có tôi hiền.

Xem ngôi Kiến⁸ đòi thời mở vận;

Phép hào Sư⁹ lấy luật dùng binh.

Đất tam phân có thửa hai, chốn chốn đều về thanh giáo;

Nhà bốn biển vậy làm một, đâu đâu ca xướng thái bình.

Bức tranh hiện thực sôi động về cuộc sống tấp nập, phồn vinh của trấn Đại Đồng, một đô thị nhỏ nổi tiếng xa xưa. Đặc biệt là sự xuất hiện hình ảnh người dân tộc thiểu số trong ngày hội chợ. Nguyễn Hàng là cây bút đầu tiên của văn học trung đại Việt Nam đưa hình ảnh đồng bào dân tộc thiểu số vào tác phẩm của mình. Đó là dân tộc nào?

Nguyễn Hàng từ góc nhìn của kinh dịch soi chiếu vào vị thế địa linh xứ Đại Đồng để rút ra triết lí đối ứng và nhân quả vì thế vận của Vũ Vương. Theo đó, “Kiến” thuộc tượng trời có nghĩa là ngôi thiên tử, “Sư” là một quẻ từ hệ dịch nghĩa là xuất quân lệnh phải nghiêm. Qua đó, tác giả muốn nói lên điều gì?

⁵ Tán đầu khăn: Khăn xếp đội đầu của người Dao.

⁶ Quần sả: Quần màu xanh biếc, như màu cánh chim trả.

⁷ Áo nghê: Áo có màu sắc như ráng mây.

⁸ Kiến: Quẻ đứng đầu 64 quái trong sách Chu Dịch, thuộc tượng trời có nghĩa là ngôi thiên tử.

⁹ Sư: Quẻ thứ 7 trong 64 quái, một quẻ từ hệ dịch nghĩa là xuất quân lệnh phải nghiêm.

Chín lần nhật nguyệt lâu lâu, cao đường hoàng đạo;
Ngàn dặm san hà chễm chễm, khoe thể vương thành.

Hình thể ấy khen nào còn xiết;
Phong cảnh này thực đã nên danh!

Nguyễn Hàng
(Nguồn: Hoàng Xuân Hãn, *Thi văn Việt Nam*,
Nhà xuất bản Sông Nhị, Hà Nội, 1951)

?

Dựa vào nội dung bài học, em hãy thực hiện các nhiệm vụ sau:

- 1. Tác phẩm Đại Đồng phong cảnh phú có thể chia làm mấy đoạn? Trình bày nội dung của từng đoạn.*
- 2. Nêu nội dung chính của tác phẩm Đại Đồng phong cảnh phú của nhà thơ Nguyễn Hàng.*
- 3. Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm Đại Đồng phong cảnh phú của nhà thơ Nguyễn Hàng.*
- 4. Em có nhận xét gì về số câu, nhịp điệu, từ ngữ của tác phẩm Đại Đồng phong cảnh phú?*



LUYỆN TẬP

- 1. Vẽ sơ đồ tư duy khái quát đặc điểm văn học trung đại Tuyên Quang theo ba nhánh: nội dung; thể loại; tác giả, tác phẩm tiêu biểu.**
- 2. Tóm tắt nội dung và nghệ thuật bài *Đại Đồng phong cảnh phú* bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ hoặc bằng sơ đồ.**



VẬN DỤNG

1. Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

a. Xây dựng dự án giới thiệu về tác giả, tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang.

Tên dự án:
Tên nhóm:
Các thành viên:
Nội dung:
Kế hoạch thực hiện:
Thời gian:
Việc làm cụ thể:
Phân công:

b. Viết bài hoặc thiết kế một infographic (đồ họa thông tin) hoặc làm một video để giới thiệu về tác giả, tác phẩm văn học trung đại Tuyên Quang.

2. Chia sẻ những thông tin ở cột L trong bảng KWL ở phần Mở đầu.

CHỦ ĐỀ
2

BÁC HỒ VỚI TUYÊN QUANG TRONG CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945 VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1954)

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được tên các địa danh mà Bác Hồ đã ở và làm việc tại Tuyên Quang trong Cách mạng tháng 8 năm 1945 và cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954).
- Trình bày được những sự kiện quan trọng đã diễn ra ở Tuyên Quang trong Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.
- Nêu được vị trí chiến lược, truyền thống cách mạng của Tuyên Quang và những đóng góp của địa phương trong lịch sử dân tộc.
- Có ý thức bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị các địa điểm di tích về hoạt động của Trung ương và Bác Hồ ở Tuyên Quang; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.



MỞ ĐẦU

Tuyên Quang là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và cách mạng, được ví như “bảo tàng cách mạng” của cả nước. Trong những ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 lịch sử và cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954), nơi đây được Bác Hồ chọn làm “Thủ đô” của cách mạng



Hình 2.1. Bác Hồ chụp ảnh với một gia đình người Dao ở huyện Yên Sơn năm 1952 thể hiện tình cảm sâu sắc của Bác với đồng bào các dân tộc Tuyên Quang và tình cảm của đồng bào các dân tộc ở Tuyên Quang với Bác Hồ.

cả nước. Thời gian sống và làm việc trên quê hương cách mạng Tuyên Quang, Bác Hồ luôn dành cho đồng bào các dân tộc nơi đây thật nhiều ân tình.

?

1. Em hãy chia sẻ một sự kiện hoặc một câu chuyện về Bác Hồ với Tuyên Quang qua các giai đoạn lịch sử mà em biết.

2. Theo em, vì sao Trung ương Đảng và Bác Hồ lại hai lần chọn Tuyên Quang là căn cứ địa cách mạng của cả nước?



KIẾN THỨC MỚI

I. VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC, TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG

1. Vị trí chiến lược

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam, đã từng là “phên giậu” vững chắc của Tổ quốc. Vị trí của Tuyên Quang nằm ở trung tâm của vùng núi rừng Việt Bắc, phía đông giáp các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Thái Nguyên; phía tây giáp tỉnh Yên Bái, phía nam giáp Vĩnh Phúc, Phú Thọ; phía bắc giáp tỉnh Hà Giang.

Khi thời cơ của cuộc Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám đến gần, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ thị phải gấp rút tìm địa điểm để xây dựng trung tâm chỉ đạo cách mạng cả nước.

Tư liệu 1

Tuyên Quang là địa điểm hội tụ đủ các yếu tố: “Trên có núi, dưới có sông. Có đất ta trồng, có bãi ta chơi. Tiện đường sang Tổng Bộ, thuận lợi tới Trung ương. Nhà thoáng, ráo, kín mái. Gần dân không gần đường”.

(Trích theo: Tuyên Quang tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Kỷ yếu hội thảo khoa học), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2020, tr.39)

2. Truyền thống lịch sử và cách mạng

Vùng đất Tuyên Quang là nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng trong lịch sử dân tộc, đồng bào các dân tộc ở Tuyên Quang giàu truyền thống đoàn kết, yêu nước chống giặc ngoại xâm. Sử sách đã ghi lại những đóng góp của quân và dân Tuyên

Quang trong các cuộc kháng chiến: chống quân xâm lược Tống (năm 1075); chống quân Nguyên – Mông lần thứ 2 (năm 1285); tham gia phong trào Cần Vương (1885 – 1896), khởi nghĩa Yên Thế cuối thế kỉ XIX chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (năm 1930), nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang sớm giác ngộ, một lòng trung thành với cách mạng, son sắt tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.

Năm 1937, tổ chức Đảng ở Tuyên Quang được xây dựng. Tháng 5 – 1941, Mặt trận Việt Minh ra đời, các đoàn thể Việt Minh phát triển mạnh ở vùng chân núi Hồng, Na Mao, Khuôn Trạn, Kim Long, Thanh La... (huyện Sơn Dương) và nhiều địa bàn thuộc huyện Yên Sơn, huyện Chiêm Hoá, thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố Tuyên Quang).

Trên cơ sở phong trào quần chúng phát triển, lực lượng Cứu quốc quân ngày càng lớn mạnh. Ngày 25 – 2 – 1944, Trung đội cứu quốc quân III được thành lập ở Khuổi Kịch (Tân Trào, Sơn Dương) góp phần chuẩn bị vũ trang, tiến tới tổng khởi nghĩa. Tiếp sau đó, Trung ương Đảng quyết định thành lập phân khu Nguyễn Huệ (gồm một số huyện của tỉnh Bắc Kạn, huyện Sơn Dương và Yên Sơn của tỉnh Tuyên Quang).

Cuối năm 1944 – đầu năm 1945, phong trào cách mạng ở Tuyên Quang phát triển mạnh, đồng bào các dân tộc ở Tuyên Quang cùng nhân dân cả nước chuẩn bị sẵn sàng đón thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa nhằm lật đổ chính quyền của địch, thành lập chính quyền cách mạng trong toàn tỉnh.

?

Dựa vào nội dung mục 1,2 và tư liệu 1, em hãy nêu những nét nổi bật về vị trí chiến lược và truyền thống lịch sử, cách mạng của đồng bào các dân tộc tỉnh Tuyên Quang.

II. BÁC HỒ CHỌN TÂN TRÀO LÀ “THỦ ĐÔ CỦA KHU GIẢI PHÓNG” TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Tân Trào được Trung ương Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh chọn làm “Thủ đô Khu giải phóng”

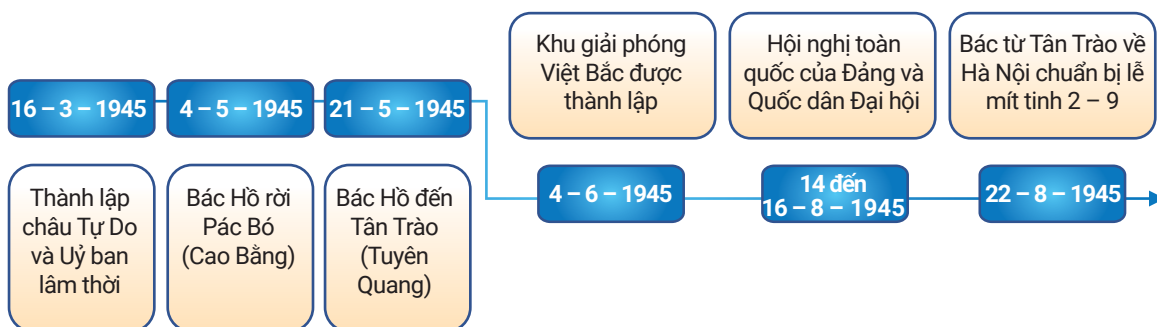
Ngày 10 – 3 – 1945, cuộc khởi nghĩa Thanh La, thuộc tổng Thanh La (huyện Sơn Dương) giành thắng lợi. Từ thắng lợi này, ngày 13 – 3 – 1945, quân ta đánh đồn Đàng Châu, giải phóng huyện lỵ Sơn Dương. Ngày 16 – 3 – 1945, phân khu

Nguyễn Huệ (một trong hai phân khu do Trung ương Đảng thành lập) tổ chức cuộc mít tinh tại đình Thanh La tuyên bố thành lập châu Tự Do và Ủy ban lâm thời châu. Đây là chính quyền cách mạng cấp châu đầu tiên của Tuyên Quang và cả nước.

Ngày 4 – 6 – 1945, theo chỉ thị của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng lân cận như: Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Tại Khu giải phóng, chính quyền và quân đội cách mạng được xây dựng. Tân Trào (Tuyên Quang) được chọn làm “Thủ đô của Khu giải phóng”.



Hình 2.2. Đình Hồng Thái (thôn Cả, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương)



Hình 2.3. Sơ đồ một số mốc lịch sử quan trọng về những hoạt động của Bác Hồ tại Tuyên Quang trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Khu giải phóng Việt Bắc đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Chỉ huy lâm thời do lãnh tụ Hồ Chí Minh đứng đầu. Tại Khu giải phóng, lần đầu tiên nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ như: bầu cử Hội đồng nhân dân, tham gia bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ, bãi bỏ các thứ thuế vô lí của đế quốc, phát xít, thực hiện đời sống mới... Khu giải phóng Việt Bắc là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

?

1. Vì sao Tân Trào được Trung ương Đảng và Bác Hồ chọn làm thủ đô Khu giải phóng?

2. Người dân tại Khu giải phóng Việt Bắc được hưởng quyền tự do, dân chủ như thế nào?

2. Lãnh tụ Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo cách mạng tại căn cứ địa Tân Trào

Trong thời gian ở Tuyên Quang, lãnh tụ Hồ Chí Minh luôn theo sát những chuyển biến của tình hình thế giới.

Tư liệu 2

Cuối tháng 7 – 1945, tại lán Nà Nưa, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp: “*Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập*”.

(Hồ Chí Minh – *Biên niên tiểu sử*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Tập 2, H, 2016, tr.225)



Hình 2.4. Lán Nà Nưa, nơi Bác Hồ ở và làm việc từ cuối tháng 5 đến 22 – 8 – 1945 để chuẩn bị và lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945

Ngày 13 – 8 – 1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh quyết định thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. Vào 23 giờ ngày

13 – 8, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa toàn quốc.

Tư liệu 3

Lãnh tụ Hồ Chí Minh viết thư hoả tốc và chỉ thị “*Tập trung lực lượng đánh vào đô thị, chặn quân Nhật rút lui*”.

(Theo: *Tuyên Quang tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2020, tr.47)

Từ ngày 14 đến 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại của chính quyền cách mạng.

Tiếp đó, ngày 16 và 17 – 8 – 1945, Quốc dân Đại hội được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua “Mười chính sách lớn của Việt Minh”. Đại hội đã quyết định toàn dân đoàn kết đứng lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, Lệnh tổng khởi nghĩa được thông qua. Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (sau là Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà) được thành lập do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội thống nhất quy định Quốc hiệu, Quốc kì, Quốc ca của nước Việt Nam mới; quyết định giao toàn quyền chỉ huy khởi nghĩa cho Ủy ban khởi nghĩa.



Hình 2.5. Đình Tân Trào, nơi diễn ra Quốc dân Đại hội (ngày 16, 17 – 8 – 1945)

Thực hiện quyết định Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, ở Tân Trào, Tuyên Quang từ ngày 14 đến ngày 28 – 8, nhân dân cả nước đứng lên lật đổ chính quyền của địch, thành lập chính quyền nhân dân.

Ngày 02 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt cho Chính phủ lâm thời, trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Tư liệu 4

Sáng 17 – 8 – 1945, Ủy ban Dân tộc giải phóng ra mắt Quốc dân Đại hội và làm lễ tuyên thệ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời tuyên thệ: “... *chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù. Dù phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước...*”

Ngày 18 – 8 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa: “*Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên.*”

(Trích theo: *Tuyên Quang tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Kĩ yếu hội thảo khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2020, tr.48)

?

Dựa vào nội dung mục 2 và các tư liệu 2, 3, 4, em hãy vẽ trục thời gian thể hiện những sự kiện quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam tại Tuyên Quang trong những ngày chuẩn bị Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

3. Vai trò của Tuyên Quang trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Xây dựng chính quyền: sau thắng lợi khởi nghĩa Thanh La (10 – 3 – 1945), chính quyền nhân dân được xây dựng ở cấp xã, châu, tạo điều kiện cho lãnh tụ Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng về đóng quân và lãnh đạo cách mạng cả nước.

Đóng góp sức người, sức của để xây dựng Thủ đô của Khu giải phóng: đồng bào các dân tộc ở Tuyên Quang đã vận chuyển một số lượng thóc, gạo lấy từ các kho của

phát xít Nhật trong vùng cho cách mạng. Đồng bào các dân tộc còn ủng hộ nhiều loại rau, củ và các loại cây: tre, vầu, lá cọ để làm lán cho Bác Hồ cùng các đồng chí lãnh đạo và các cơ quan của Trung ương.

Bảo vệ tuyệt đối an toàn cho lãnh tụ, cán bộ cách mạng và các cơ quan Trung ương: Ủy ban nhân dân lâm thời các cấp trong khu căn cứ cách mạng Tân Trào bố trí lực lượng vũ trang địa phương tăng cường tuần tra canh gác nghiêm ngặt, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ cán bộ, đảng viên và bảo vệ cho thành công của Hội nghị toàn quốc của Đảng, Quốc dân Đại hội Tân Trào.

Đảm bảo an toàn cho cán bộ đưa tin Tổng khởi nghĩa từ Tân Trào đến các địa phương trên cả nước và tiến hành khởi nghĩa thành công ở thị xã Tuyên Quang, góp phần vào thành công của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Ngày 21 – 8 – 1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở thị xã Tuyên Quang, ngày 22 – 8 – 1945, Ủy ban Cách mạng lâm thời tỉnh Tuyên Quang được thành lập.

Đảm bảo để Bác Hồ và Trung ương Đảng an toàn trở về Hà Nội, chuẩn bị cho lễ độc lập ngày 2 – 9 – 1945.

Tư liệu 5

Trước khi rời Tuyên Quang về Hà Nội, Bác đã nói với các đồng chí ở lại: “... các cô, các chú còn ở lại địa phương đây, giúp đồng bào tổ chức cuộc sống sao cho tươi đẹp hơn, ấm no, văn minh hơn ... Biết đâu chúng ta còn trở lên đây nhờ cây đồng bào lần nữa.”

(Trích theo: *Tuyên Quang tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2020, tr.127)

?

Em hãy phân tích vai trò của Tuyên Quang đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. Dựa vào tư liệu 5, em hãy phát biểu suy nghĩ của mình về tình cảm của Bác Hồ đối với đồng bào các dân tộc Tuyên Quang.

III. TUYÊN QUANG ĐƯỢC CHỌN LÀM “THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN” TRONG THỜI KÌ CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1954)

1. Bác Hồ trong lựa chọn Tuyên Quang là “Thủ đô Kháng chiến”

Trước khi rời Tân Trào về Hà Nội, với tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử một số cán bộ ở lại tiếp tục củng cố căn cứ địa cách mạng. Ngày 19 – 12 – 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ, một lần nữa Bác Hồ trở lại Tuyên Quang để lãnh đạo toàn dân kháng chiến.

Tuyên Quang trở thành Thủ đô Kháng chiến, các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá trở thành ATK của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương.

Từ tháng 4 – 1947 đến tháng 8 – 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại 16 địa điểm thuộc các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, lãnh đạo thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

STT	Thời gian	Địa điểm
1	Từ 02 – 4 đến 19 – 5 – 1947	Làng Sảo, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương
2	Từ 27 – 11 đến 04 – 12 – 1947	Thôn Khuôn Đào, xã Trung Yên, huyện Yên Sơn
3	Từ 04 – 12 đến 28 – 12 – 1947	Khuổi Tấu, thôn Tấu Lìn, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn
4	Từ 12 – 9 đến 16 – 12 – 1948	Thôn Lũng Tấu, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương
5	Từ 19 – 12 – 1948 đến 10 – 01 – 1949	Thôn Lũng Trò, xã Trung Trực, huyện Yên Sơn
6	Từ 06 – 4 đến 16 – 5 – 1949 Từ 01 – 6 – 1949 đến 01 – 1950 Từ tháng 4 đến tháng 9 – 1950	Khẩu Lấu – Vực Hồ, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương

7	Từ 16 – 5 đến 01 – 6 – 1949	Bản Chương, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn
8	Tháng 12 – 1950	Thôn Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn
9	Từ tháng 01 đến 07 – 02 – 1951	Thôn Khuôn Mạ, xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hoá
10	Tháng 02 đến 3 – 1951 Tháng 5 – 1952	Thôn Phú An, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hoá
11	Tháng 2 – 1951	Nà Mạ, thôn Pác Hóp, xã Linh Phú, huyện Chiêm Hoá
12	Tháng 4 – 1951	Hang đá Yên Thượng, thôn Yên Thượng, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương
13	Từ tháng 5 đến tháng 12 – 1951 Từ tháng 01 đến tháng 4 – 1952 Từ tháng 6 đến cuối năm 1952	Hang Bòng, thôn Bòng, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương
14	Từ tháng 01 đến tháng 8 – 1954	Thôn Khuôn Điển, xã Kim Quan, huyện Yên Sơn

Bảng 1. Những địa danh ở Tuyên Quang ghi dấu của Bác Hồ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp

?

Tuyên Quang đã trở thành “Thủ đô Kháng chiến” như thế nào? Dựa vào thông tin ở bảng 1, em hãy kể tên các địa danh ghi dấu Chủ tịch Hồ Chí Minh đến và làm việc ở Tuyên Quang thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954)

2. Một số địa điểm Bác Hồ làm việc tại Tuyên Quang trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954)

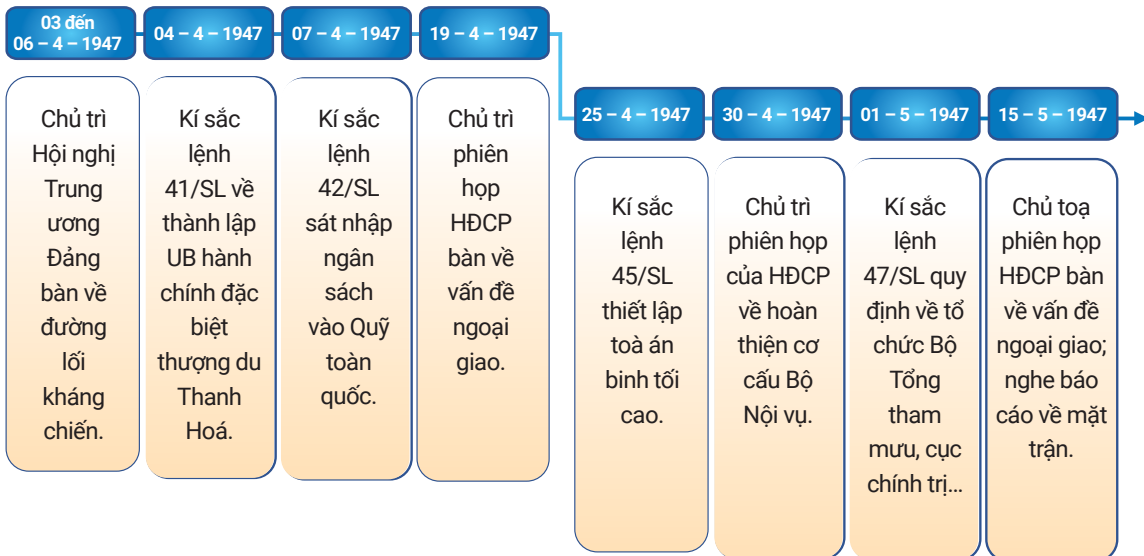
a. Làng Sảo, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương

Ngày 02 – 4 – 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng về tới Làng Sảo, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương. Đây là địa điểm đầu tiên Bác Hồ trở lại Tuyên Quang để cùng Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đầu tháng 5 năm 1947, Bác Hồ cùng Trung ương Đảng tổ chức thành công nhiều phiên họp của Đảng, Hội đồng Chính phủ và kí nhiều sắc lệnh có liên quan đến các lĩnh vực quan trọng của đất nước.



Hình 2.6. Nhà bia di tích Làng Sảo, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương



Hình 2.7. Sơ đồ những hoạt động của Bác Hồ tại Làng Sảo, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương

b. Thôn Phú An, xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình, huyện Chiêm Hoá)

Từ tháng 02 đến tháng 3 – 1951, Bác Hồ đã ở và làm việc tại thôn Phú An, xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hoá. Khu rừng Nà Loáng,

trung tâm của thôn Phú An là nơi có vị trí chiến lược quan trọng của An toàn khu và nằm sâu trong “Thủ đô Kháng chiến”.

Từ ngày 11 đến ngày 19-12-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ mới đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tiến tới thắng lợi hoàn toàn.



Hình 2.8. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh trao đổi về văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (tháng 02 – 1951) tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình, huyện Chiêm Hoá)

Từ ngày 03 đến ngày 07 – 3 – 1951 địa điểm này còn tổ chức Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh – Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt. Bác Hồ được bầu làm Chủ tịch danh dự, đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Mặt trận.



Hình 2.9. Bác Hồ và các đại biểu dự Đại hội thống nhất Việt Minh – Liên Việt

Tư liệu 6

Tại Đại hội thành lập Mặt trận Liên Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Trong Đại hội này, chúng ta có đại biểu đủ các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, già có, trẻ có, nam có, nữ có, thật là một gia đình tương thân, tương ái”.

(Trích Tuyên Quang tâm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2020, tr.154)

Ngày 11 – 3 – 1951, tại nơi này Hội nghị Liên minh Việt – Miên – Lào đã quyết định thành lập Ủy ban liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào nhằm đoàn kết ba nước thực hiện mục tiêu chung là đấu tranh giành độc lập, góp phần bảo vệ hoà bình thế giới.

Tư liệu 7

Tại Đại hội Bác Hồ nói: *“Tôi sung sướng hơn nữa vì từ nay chẳng những là toàn dân Việt Nam đại đoàn kết, mà toàn dân hai nước anh em là Cao Miên và Ai Lao cùng đi đến đại đoàn kết”*.

(Trích Tuyên Quang tâm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2020, tr.155)

Từ ngày 01 đến 06 – 5 – 1951, Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất cũng diễn ra tại thôn Phú An, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hoá. Đại hội đã bầu ra 07 anh hùng lao động đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, tiêu biểu cho phong trào thi đua của cả nước gồm: Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa và Hoàng Hanh.



Hình 2.10. Hồ Chủ tịch với các đại biểu dự Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc ngày 01 – 5 – 1952

Tư liệu 8

“Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất”.

(Trích Lời căn dặn của Bác trong bài nói tại Đại hội các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc ngày 01 – 5 – 1952, đăng trên Báo Nhân dân số 57, ngày 08 – 5 – 1952).

c. Hang Bòng, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương

Hang Bòng nằm cách trung tâm xã Tân Trào khoảng 2 km, cách huyện Sơn Dương hơn 10 km. Hang Bòng là nơi Bác Hồ ở và làm việc lâu nhất trong cuộc kháng chiến, tại đây Trung ương Đảng và Bác đã đề ra nhiều quyết sách quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, tài chính, quân sự, quốc phòng và các quyết định về việc mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.



Hình 2.11. Di tích lán Hang Bòng (thôn Bòng, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương)

STT	Thời gian	Hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại hang Bòng
1	06 – 5 – 1951	Kí Sắc lệnh số 165/SL, thành lập và quy định nhiệm vụ cho Ngân hàng Quốc gia Việt Nam.
2	Cuối tháng 5 – 1951	Dự Hội nghị cán bộ quân sự.
3	21 – 11 – 1951	Chuẩn y chủ trương của Bộ Tư lệnh, mở chiến dịch Hoà Bình.
4	26 – 12 – 1951	Đi thăm Nam Ninh, Trung Quốc.
5	08 – 3 – 1952	Dự họp Bộ Chính trị, trao nhiệm vụ đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Liên Xô cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng.
6	22 – 4 – 1952	Tham dự và khai mạc Hội nghị lần thứ III (khoá II) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
7	10 – 8 – 1952	Kí Sắc lệnh số 107/SL, tặng danh hiệu Anh hùng thi đua ái quốc cho bảy chiến sĩ thi đua
8	10 – 10 – 1952	Kí Sắc lệnh số 122/SL, thành lập Nhà in quốc gia.
9	10 – 1952	Từ Tân Trào đi dự Đại hội lần XIX Đảng Cộng sản Liên Xô.

Bảng 2. Những hoạt động của Bác Hồ tại hang Bòng, Tân Trào, Sơn Dương

d. Thôn Khuôn Diễn, xã Kim Quan, huyện Yên Sơn

Nằm trong khu vực rừng Nà Lơi, thôn Khuôn Diễn, xã Kim Quan, huyện Yên Sơn là nơi có vị trí chiến lược quan trọng trong An toàn khu.

Từ tháng 01 đến tháng 8 năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại thôn Khuôn Diễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì nhiều phiên họp của Bộ Chính trị và Hội đồng Chính phủ, quyết định đến vấn đề quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao. Lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân giành thắng lợi trong chiến dịch Đông Xuân 1953 – 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.



*Hình 2.12. Hầm an toàn của
Trung ương Đảng*



*Hình 2.13. Hầm an toàn
của Chính phủ*

STT	Thời gian	Hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khuôn Diễn
1	01 – 01 – 1954	Tại Bộ Chính trị chỉ định cơ quan lãnh đạo, chỉ huy chiến dịch Tây Bắc, triển khai kế hoạch, điều động lực lượng tham gia chiến dịch.
2	14 – 3 – 1954	Gửi thư cho cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận Điện Biên Phủ: “... <i>Nhiệm vụ của các chú lần này rất to lớn, khó khăn, nhưng rất vinh quang. Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất</i> ”.
3	08 – 5 – 1954	Gửi thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang ở Điện Biên Phủ.

4	5 – 1954	Tại cuộc họp của Bộ Chính trị bàn về chủ trương đàn phán ở Hội nghị Giơ-ne-vơ, Bác Hồ đã nói: “ <i>Ta kháng chiến, ta đàm phán đều nhằm một mục đích giành độc lập, thống nhất thực sự cho dân tộc</i> ”.
5	7 – 1954	Chủ trì phiên họp Hội đồng Chính phủ bàn về tình hình sản xuất, nghe báo cáo về tình hình quân sự, về Hội nghị Giơ-ne-vơ, về cải cách ruộng đất...
6	15 – 7 – 1954	Đọc báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (mở rộng về Tình hình và Nhiệm vụ mới, Người nhấn mạnh: Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc nhưng sách lược của ta thì phải linh hoạt.
7	10 – 8 – 1954	Viết bài Quê đâu cho bằng quê ta, nhằm tố cáo thủ đoạn lừa bịp, dụ dỗ, ép buộc của thực dân Pháp và tay sai đối với đồng bào vùng do chúng kiểm soát di cư vào Nam.

Bảng 3. Những hoạt động của Bác Hồ tại thôn Khuôn Diễn, xã Kim Quan, huyện Yên Sơn

?

1. Dựa vào nội dung tư liệu và kênh hình ở mục 2, em hãy xác định các địa danh ở Tuyên Quang ghi dấu ấn của Bác Hồ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Em hãy lựa chọn và giới thiệu về một địa điểm mà em ấn tượng nhất.



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thể hiện một số nét chính về vị trí chiến lược và truyền thống cách mạng của đồng bào các dân tộc Tuyên Quang theo gợi ý sau:

Tiêu chí	Nét chính
Vị trí chiến lược	
Truyền thống cách mạng	

2. Lập bảng thống kê các địa danh ở Tuyên Quang đã từng là nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng 8 năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) theo gợi ý sau:

STT	Địa danh	Hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh
1	–	–
2	–	–
3	–	–
4	–	–



VẬN DỤNG

1. Hãy lựa chọn, sưu tầm và giới thiệu về một di tích lịch sử ở Tuyên Quang gắn với hoạt động của Bác Hồ.

2. Theo em, cần phải làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử ở Tuyên Quang gắn với hoạt động của Bác Hồ?

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được một số định hướng phát triển kinh tế ở tỉnh Tuyên Quang.
- Trình bày được đặc điểm một số hoạt động kinh tế đối ngoại ở tỉnh Tuyên Quang.
- Sử dụng biểu đồ, số liệu, bảng biểu thống kê để nhận xét và giải thích về hoạt động kinh tế đối ngoại ở tỉnh.
- Viết được báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại ở tỉnh.



MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, tỉnh Tuyên Quang luôn phát huy những nguồn lực và thành tựu đã đạt được, khắc phục những yếu kém, hạn chế còn tồn tại. Để phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế, tỉnh đã có những định hướng phát triển khác nhau qua các giai đoạn.

Tỉnh Tuyên Quang đã tích cực, chủ động phát triển kinh tế đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế với các nước, các tổ chức quốc tế; tham gia quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh... Nhờ đó, hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh đã đạt được một số kết quả quan trọng.

?

Chia sẻ những hiểu biết của bản thân về một số hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh Tuyên Quang.



I. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2050

Mục tiêu tổng quát đến năm 2030, Tuyên Quang là tỉnh phát triển khá, toàn diện và bền vững trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; kinh tế phát triển xanh và năng động, nhanh và bền vững trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Không gian kinh tế xã hội được tổ chức, phát triển hài hoà, hợp lý gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đảm bảo về môi trường, sinh thái. Xây dựng Tuyên Quang là tỉnh điển hình về phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất, chế biến gỗ của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Tầm nhìn đến năm 2050, Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển, thu nhập cao của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, có môi trường xã hội văn minh, hiện đại, sáng tạo, dân chủ. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển xanh, công nghiệp sinh thái, thông minh; dịch vụ phát triển đa dạng, hiện đại; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu; kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và kết nối.



Dựa vào thông tin mục I1, hãy nêu mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh Tuyên Quang.

2. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến, chế tạo

Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo các sản phẩm có giá trị cao và chất lượng cao, trong đó tập trung phát triển Tuyên Quang trở thành vệt tinh của vùng về chuỗi liên kết sản xuất điện tử, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô; phát triển công nghiệp chế tạo công nghệ cao tại thành phố Tuyên Quang và huyện Yên Sơn, công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, dệt may, da giày, chế biến nông sản, thực phẩm, dược liệu, gỗ, lâm sản tại huyện Hàm Yên, Chiêm Hoá; phát triển thủy điện, năng lượng tái tạo tại các khu vực có tiềm năng trên địa bàn tỉnh.

Tập trung phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trọng tâm là thu hút đầu tư các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo.

b. Phát triển du lịch

Phát triển du lịch bền vững thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương, gắn với phát huy giá trị di sản, di tích lịch sử và văn hoá các dân tộc của tỉnh; nâng cao chất lượng các tuyến du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo. Thu hút, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu du lịch cấp quốc gia; khu, điểm du lịch và hạ tầng phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh. Chủ động tổ chức xúc tiến, quảng bá du lịch Tuyên Quang đến thị trường trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết hoạt động du lịch trong tỉnh với các địa phương trong vùng và cả nước.

c. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hoá, sản xuất an toàn, hữu cơ, đặc sản; hình thành các vùng chuyên canh với quy mô thích hợp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm nghiệp; phát triển chuỗi các giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

Thực hiện giao đất, giao rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp, chú trọng phát triển một số diện tích sản xuất, khai thác cây gỗ lớn tại các khu vực có tiềm năng, tiến tới xây dựng, phát triển khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất, chế biến gỗ của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh điển hình về phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển các vùng nuôi cá trên các hồ thủy điện, sông, suối có yếu tố phù hợp, thuận lợi gắn với việc áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường để tạo ra sản phẩm có chất lượng, giá trị cao, bền vững.

?

Dựa vào thông tin mục I.2, hãy nêu định hướng phát triển một số ngành kinh tế của tỉnh Tuyên Quang.

II. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

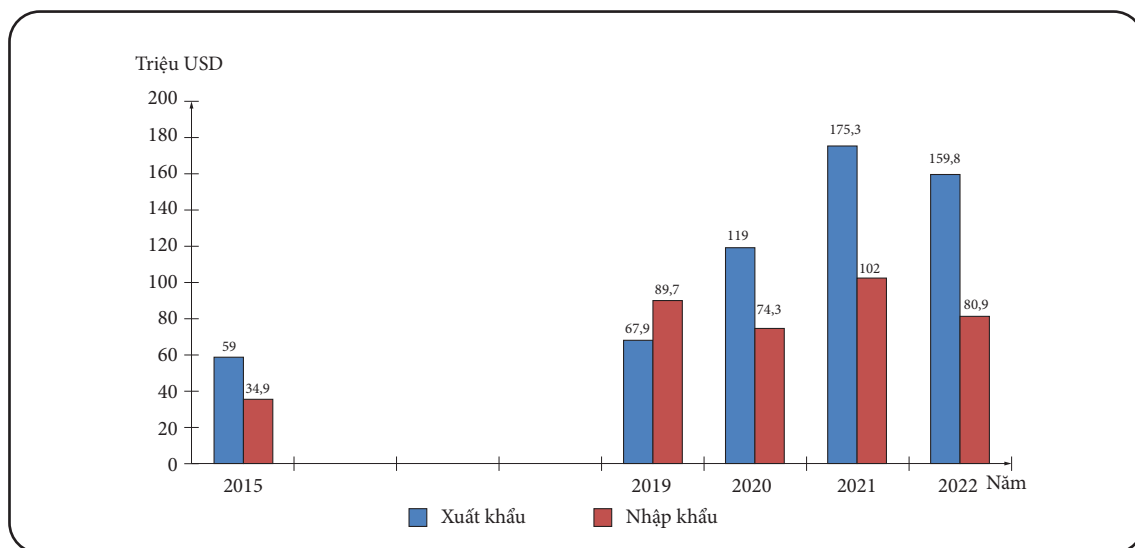
Những năm gần đây trong phát triển kinh tế đối ngoại và hợp tác liên kết vùng ở Tuyên Quang đã đạt được một số kết quả quan trọng. Quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu, tập trung khai thác mối quan hệ hợp

tác với nước ngoài. Tăng cường các hoạt động giao lưu, hợp tác, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch... Ngoại giao văn hoá diễn ra sôi động, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Tích cực triển khai các hoạt động giao lưu hữu nghị, hợp tác nhân dân, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị với bạn bè truyền thống và các đối tác quốc tế.

Trong giai đoạn tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ, nhanh chóng, khó lường, đặt ra cả những cơ hội và thách thức không nhỏ đối với sự phát triển của tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, Tuyên Quang cần tiếp tục phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác, liên kết phát triển vùng để tạo sự “cộng hưởng” trong phát triển, để góp phần xây dựng Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, bền vững, toàn diện trong khu vực miền núi phía Bắc.

1. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

Hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh thời gian qua đạt được những kết quả quan trọng. Tổng trị giá hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu ngày càng tăng, cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu đang có sự thay đổi tích cực.



Hình 3.1. Biểu đồ trị giá hàng xuất khẩu, nhập khẩu của tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015 – 2022

(Nguồn: Theo thống kê của Sở Công thương tỉnh Tuyên Quang)

Các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh ngày càng đa dạng và đang chuyển dịch theo hướng hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, nâng cao tỉ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao dựa trên việc ứng dụng các tiến bộ về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu bao gồm: chè, bột giấy, giấy để, giấy in viết, hàng dệt may, bột barit, các sản phẩm từ gỗ như gỗ keo ván sàn, ghế đu,

đũa gỗ, phong bì, gỗ tinh chế và antimon... Trong đó, ngành hàng xuất khẩu gỗ và những nguyên liệu từ gỗ, gỗ tinh chế đang chiếm ưu thế tuyệt đối (năm 2021 đạt 31 172 m³; năm 2022 đạt 55 500 m³). Một số mặt hàng có tiềm năng xuất khẩu như: vải bạt, nhựa PP, thép cuộn, tai nghe, các mặt hàng nông sản khác (sắn, chuối, lạc...).



Hình 3.2. Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu tại Công ty cổ phần giấy An Hoà



Hình 3.3. Vùng chè nguyên liệu phục vụ cho xuất khẩu tại xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn

Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là linh kiện điện tử, máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu trong ngành da giày, dệt may...

Thị trường xuất, nhập khẩu của tỉnh ngày càng được mở rộng. Tỉnh tiếp tục duy trì được các thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng thêm các thị trường xuất khẩu mới. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Nhật Bản và một số nước khác.

Tỉnh đã thực hiện nhiều hoạt động để đẩy mạnh xuất, nhập khẩu, mở rộng thị trường quốc tế. Đó là, duy trì ổn định các mặt hàng xuất khẩu truyền thống, mở rộng và đa dạng hoá các mặt hàng xuất khẩu, tập trung vào mặt hàng chế biến nông, lâm sản, giày da, công nghiệp hỗ trợ; chia sẻ các thông tin về thị trường, tìm kiếm cơ hội thị trường mới cho doanh nghiệp; thường xuyên cập nhật diễn biến thông quan hàng hoá tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc; triển khai tốt các quy định, yêu cầu liên quan nhằm đáp ứng quy định, tiêu chuẩn đã thỏa thuận với các nước; thường xuyên nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh, tạo dựng thương hiệu, mở rộng thị trường;...

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) có hiệu lực, nhất là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đã mở ra cơ hội cho tỉnh đẩy mạnh hoạt động ngoại thương, xuất nhập khẩu hàng hoá.

Dựa vào thông tin, biểu đồ hình 3.1 và các hình ảnh ở mục II.1, hãy:

1. Nhận xét trị giá hàng xuất khẩu, nhập khẩu của tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015 – 2022.

2. Trình bày hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh.

2. Hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài

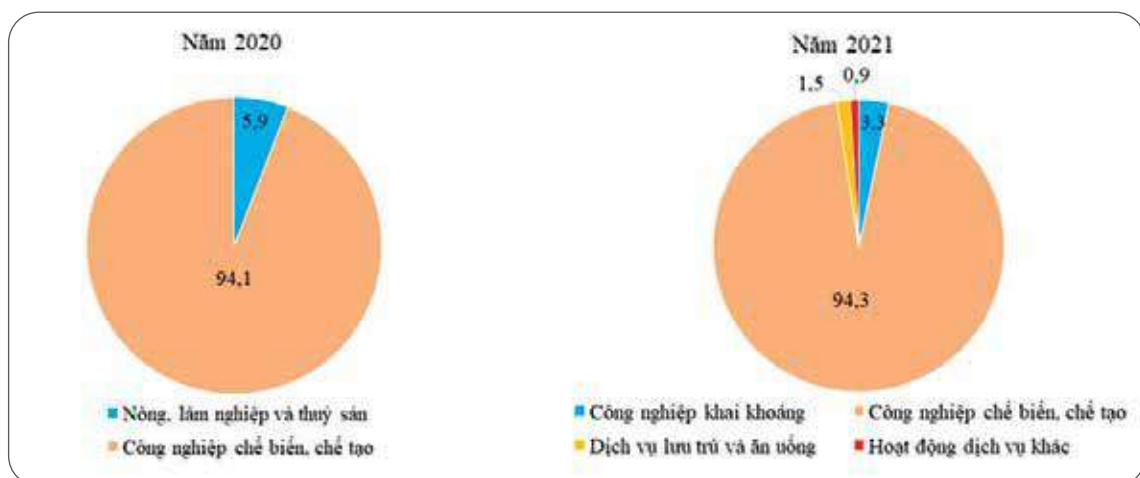
Tỉnh Tuyên Quang thu hút được khá nhiều dự án đầu tư nước ngoài (FDI).

Tỉnh chú trọng các dự án có chất lượng, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển chung của tỉnh, có nguồn thu ngân sách lớn, sức cạnh tranh của sản phẩm phù hợp tiêu

Bảng 3.1. Số dự án được cấp phép và vốn đăng ký đầu tư nước ngoài của tỉnh Tuyên Quang (lũy kế các dự án còn hiệu lực) qua một số năm

Năm	Số dự án được cấp phép	Vốn đăng ký (Triệu USD)
2019	15	202,6
2020	17	338,5
2021	18	315,0

chuẩn quốc tế, ưu tiên những dự án sử dụng nhiều lao động địa phương. Tỉnh quan tâm phát triển dịch vụ logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh để thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại và phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập. Cơ cấu các ngành kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài có sự khác nhau qua các năm, trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng số vốn đăng ký.



Hình 3.4. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế của tỉnh Tuyên Quang năm 2020 và năm 2021

Các nhà đầu tư chủ yếu đến từ các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Australia, Samoa. Các dự án thực hiện trong các lĩnh vực may mặc, sản xuất bao bì, gang thép, thiết bị điện tử, chế biến rau, quả, chế biến sữa...

Tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiều biện pháp thu hút đầu tư nước ngoài. Đó là: hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục mở rộng sản xuất, đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh để phát triển cụm liên kết, chuỗi giá trị, nâng cao sức cạnh tranh; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài đào tạo, nâng cao kỹ năng, trình độ cho người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng lao động của tỉnh đã học tập và làm việc ở các quốc gia tiên tiến. Bên cạnh đó, tập trung hoàn thành một số dự án, công trình động lực, trọng điểm đảm bảo cơ sở hạ tầng cho các dự án FDI được triển khai thuận lợi, như: đường cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ kết nối với đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai; đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn; triển khai các bước đầu tư xây dựng đường liên kết vùng Tuyên Quang – Hà Giang với cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ;...

Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài triển khai trên địa bàn tỉnh đem lại cơ hội mới cho tỉnh phát triển kinh tế – xã hội, có nhiều tác động tích cực, góp phần phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng các ngành công nghệ cao, tăng năng suất và cải tiến chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao năng lực cho người lao động.

?

Dựa vào thông tin mục II.2 và bảng 3.1, hình 3.4, hãy trình bày hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài của tỉnh Tuyên Quang.

3. Các hoạt động đối ngoại khác

Công tác ngoại giao kinh tế:

Tỉnh đã tăng cường các hoạt động giao lưu, hợp tác, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, như: giới thiệu tiềm năng kinh tế, đầu tư, du lịch của tỉnh, quảng bá hình ảnh văn hoá, đất và người Tuyên Quang; chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các đoàn công tác của tỉnh thăm, làm việc, gặp gỡ, tọa đàm với các cơ quan trung ương, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài; tiếp và làm việc với nhiều lượt đoàn khách nước ngoài, đoàn quốc tế từ Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Trung Quốc... đến làm việc, khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư, thực hiện dự án tại tỉnh.

Công tác hợp tác quốc tế:

Tỉnh Tuyên Quang triển khai ký kết, thực hiện nhiều thỏa thuận quốc tế cấp tỉnh và văn bản hợp tác quốc tế cấp cơ sở, ngành, địa phương; tập trung khai thác mối quan hệ hợp tác với các nước, tích cực, chủ động, kết nối, trao đổi, tìm kiếm cơ hội thiết lập, mở rộng hợp tác với địa phương, đối tác nước ngoài khác... Việc thực hiện đồng thời các giải pháp đã giúp cho quan hệ hợp tác quốc tế của tỉnh ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu.

Ngoài ra, tỉnh còn đẩy mạnh du lịch quốc tế và xuất khẩu lao động. Tuyên Quang tập trung khai thác thế mạnh để phát triển các loại hình du lịch lịch sử, sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng,... phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương, đưa Tuyên Quang – Thủ đô Kháng chiến trở thành điểm đến



Hình 3.7. Lễ hội Khinh khí cầu quốc tế lần thứ II – năm 2023 tại Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang

thân thiện, an toàn. Vì vậy, số lượt khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế đến Tuyên Quang ngày càng tăng; các sự kiện du lịch quốc tế đã được tổ chức tại tỉnh.

Công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là một trong những hoạt động được tỉnh Tuyên Quang quan tâm trong tiến trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần thay đổi tư duy, trình độ sản xuất của người lao động, góp phần giải quyết việc làm, thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển. Kết quả từ năm 2021 đến tháng 10 – 2022, toàn tỉnh đã tư vấn việc làm, định hướng nghề nghiệp cho hơn 33 000 lao động; thực hiện cung cấp thông tin cho 39 lượt doanh nghiệp được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài; đề xuất các nội dung thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước. Số lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng ngày càng tăng, số tiền lao động chuyển về nước từ năm 2021 đến tháng 8 – 2022 hơn 1 100 tỉ đồng.

?

Dựa vào thông tin mục III.3, hãy trình bày đặc điểm một số hoạt động đối ngoại khác của tỉnh Tuyên Quang.



LUYỆN TẬP

1. Lấy ví dụ chứng minh nhận định: Tỉnh Tuyên Quang luôn tích cực, chủ động phát triển kinh tế đối ngoại và đã đạt được một số kết quả quan trọng trong quá trình phát triển và hội nhập.

2. Cho bảng số liệu:

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép của tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 – 2020

Năm	Tổng vốn đăng kí (Triệu USD)	Vốn thực hiện (Triệu USD)
2013	106,73	48,32
2018	25	3,2
2019	130,47	45,53
2020	11,97	5,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Tuyên Quang năm 2021)

Dựa vào bảng số liệu trên, nhận xét về vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 – 2020.



VẬN DỤNG

Tìm hiểu và viết báo cáo về một hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh Tuyên Quang.

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA TỈNH TUYÊN QUANG

Hoạt động:

1. Tiềm năng phát triển
2. Thực trạng
3. Đề xuất giải pháp thúc đẩy hoạt động

CHỦ ĐỀ
4

CÁC YÊU CẦU CỦA NGHỀ NGHIỆP Ở TỈNH TUYÊN QUANG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Phân tích được nhu cầu và yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với người lao động ở một số ngành nghề hiện có ở Tuyên Quang.
- Đánh giá được sự phù hợp của bản thân thông qua trải nghiệm nghề nghiệp đang có ở Tuyên Quang.
- Nêu được thuận lợi, khó khăn đối với người lao động trong việc đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ở địa phương và một số địa phương khác.



MỞ ĐẦU

Tổ chức trò chơi “Đoán nghề”.

Gợi ý:

- Giáo viên chọn khoảng 6 – 8 nghề phổ biến ở tỉnh Tuyên Quang.
- Ghi tên từng nghề ra mảnh giấy nhỏ và gấp lại.
- Mời học sinh lên mô tả đặc điểm, yêu cầu đối với nghề đó mà không được nói tên nghề.
- Các học sinh còn lại đoán đó là nghề gì dựa trên các đặc điểm và yêu cầu đối với nghề đó.
- Ai đoán đúng sẽ được giáo viên và cả lớp khen ngợi.

Ví dụ:

Giáo viên

Thợ cơ khí

Thợ khắc đá

Nhà báo

Hướng dẫn
viên du lịch

I. NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG Ở TỈNH TUYỀN QUANG

Để định hướng nghề nghiệp tương lai phù hợp, học sinh không chỉ cần hiểu rõ năng lực, sở trường của bản thân mà còn cần hiểu biết nhu cầu của thị trường lao động. Trong đó, cần tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với người lao động để có sự chuẩn bị phù hợp về kiến thức, thái độ và kĩ năng nghề nghiệp.

Ngoài yêu cầu về trình độ, kĩ năng chuyên môn thì nhà tuyển dụng còn có những yêu cầu khác như kĩ năng mềm (giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện...), các phẩm chất cần thiết và thái độ trong công việc, ý thức lao động, tính cầu thị, ham học hỏi... Đặc biệt, trong thời kì công nghệ số thì người lao động còn cần có năng lực số, làm việc nhóm, phân tích dự báo, ra quyết định, thích ứng nhanh...



Hình 4.1. Lao động làm việc tại Nhà máy chế biến rau củ quả xuất khẩu của Công ty trách nhiệm hữu hạn JW Nông sản Hàn Quốc tại cụm công nghiệp Phúc Ứng (Sơn Dương)

Bên cạnh những yêu cầu chung cho các nghề nghiệp thì với mỗi nghề cụ thể sẽ có yêu cầu riêng của nhà tuyển dụng mà người lao động cần tìm hiểu rõ ràng để có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu đó.

Muốn tìm hiểu nhu cầu nhân lực đối với các ngành nghề khác nhau, người lao động có thể dựa vào định hướng phát triển nhân lực của tỉnh Tuyên Quang. Theo Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 cho thấy nhu cầu phát triển nhân lực theo các lĩnh vực ngành như sau:

– Đến năm 2025, nhân lực ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: số nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng khoảng 225,8 nghìn người; ngành Công nghiệp – Xây dựng khoảng 86 nghìn người; ngành Thương mại, Du lịch và Dịch vụ khoảng 75 nghìn người.

– Đến năm 2030, nhân lực ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: số nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng khoảng 253 nghìn người; ngành Công nghiệp – Xây dựng khoảng 101 nghìn người; ngành Thương mại, Du lịch và Dịch vụ khoảng 95 nghìn người.

Nhiều doanh nghiệp ở tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tuyển dụng và người lao động có thể tìm kiếm thông tin như: Tổng Công ty may Tuyên Quang LGG; Công ty TNHH sản xuất giày Chung jye Tuyên Quang chi nhánh Sơn Dương, Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang, Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang...

Ngoài ra, người lao động còn có thể tìm kiếm thông tin về nhu cầu tuyển dụng qua các nguồn sau:

Website giới thiệu việc làm

Trang thông tin các đơn vị, doanh nghiệp

Hội nghị tư vấn giới thiệu việc làm

Thông tin từ người sử dụng lao động

Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh

Thông tin từ người lao động

Tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng có ý nghĩa quan trọng để học sinh chuẩn bị tốt cho nghề nghiệp tương lai, hướng đến chọn nghề phù hợp với bản thân và rèn luyện bản thân theo nghề nghiệp dự định.

Em hãy đọc thông tin ở mục I và tìm hiểu thêm thông tin từ các website của các doanh nghiệp, công ti ... để thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Chỉ ra những yêu cầu thường gặp của nhà tuyển dụng đối với người lao động. (Ví dụ: Trình độ, tính cách, kỹ năng...)

2. Xác định nguồn thông tin có thể tìm kiếm yêu cầu của nhà tuyển dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. CHỌN NGHỀ PHÙ HỢP VỚI ĐẶC ĐIỂM BẢN THÂN

Chọn đúng nghề sẽ giúp mỗi người thành công hơn trong tương lai. Để xác định bản thân phù hợp với ngành nghề nào, các em bắt đầu từ sở thích, tính cách và điều kiện của bản thân. Thông qua bài trắc nghiệm hướng nghiệp, các em có thể biết được sở thích nghề nghiệp của bản thân để chọn nghề phù hợp. Theo lý thuyết nghề nghiệp của John Holland, có 6 nhóm nghề nghiệp với đặc điểm sau đây:

Nhóm nghề	Đặc điểm
Kỹ thuật	– Người thuộc nhóm sở thích nghề nghiệp này thường có khả năng về kỹ thuật, công nghệ, hệ thống; ưa thích làm việc với đồ vật, máy móc, động thực vật; thích làm các công việc ngoài trời... – Ví dụ nghề: Nuôi cá, trồng rừng, trồng và chế biến chè, sửa chữa máy móc...
Nghiên cứu	– Người thuộc nhóm sở thích nghề nghiệp này thích quan sát, khám phá, phân tích đánh giá, giải quyết các vấn đề. – Ví dụ nghề: bác sĩ, công nghệ thông tin, môi trường, nông học, thú y...
Nghệ thuật	– Người thuộc nhóm sở thích nghề nghiệp này thích về nghệ thuật, về trực giác, tưởng tượng cao, thích làm việc trong môi trường mang tính ngẫu hứng, không khuôn mẫu. – Ví dụ nghề: báo chí (bình luận viên, dẫn chương trình – MC...); hội họa, múa, chế tác đá mỹ nghệ,...

Xã hội	– Người thuộc nhóm sở thích nghề nghiệp này thích về ngôn ngữ, giảng giải, thích làm những việc như giảng dạy, cung cấp thông tin, sự chăm sóc, giúp đỡ, hoặc huấn luyện người khác. – Ví dụ nghề: Giáo viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên chăm sóc khách hàng, tư vấn bảo hiểm...
Quản lí	– Người thuộc nhóm sở thích nghề nghiệp này thích về kinh doanh, quản lí, điều hành, dám nghĩ dám làm, có thể gây ảnh hưởng, thuyết phục người khác, có khả năng quản lí. – Ví dụ nghề: quản lí kinh doanh đá mỹ nghệ, quản lí dịch vụ du lịch cộng đồng, quản lí doanh nghiệp, quản lí dịch vụ y tế...
Nghệ thuật	– Người thuộc nhóm sở thích nghề nghiệp này thích về số học, những công việc chi tiết, thích làm việc với những số liệu, theo chỉ dẫn của người khác hoặc các công việc văn phòng. – Ví dụ nghề: Hành chính, thống kê, kế toán, văn thư, thu ngân...

Sau khi thực hiện trắc nghiệm (xem cuối chủ đề này), học sinh sẽ xác định được nhóm nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm tính cách của bản thân. Các em cần tìm cơ hội trải nghiệm thông qua quan sát, làm thử hoặc tìm kiếm thông tin nghề nghiệp qua người lao động, người sử dụng lao động, qua video – clips để hiểu rõ hơn đặc điểm, tính chất và các yêu cầu nghề nghiệp. Muốn vậy, các em cần xây dựng kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp và có sự chuẩn bị chu đáo để quá trình tìm hiểu nghề nghiệp dự định đạt kết quả tốt.

Tham gia hoạt động trải nghiệm sẽ giúp học sinh đánh giá được mức độ phù hợp của bản thân với nghề nghiệp dự định. Từ đó, học sinh thực hiện rèn luyện những mặt còn hạn chế và phát huy mặt mạnh của bản thân theo định hướng nghề đã chọn.

?

Em hãy đọc thông tin ở mục II và thực hiện nhiệm vụ sau:

– Dựa vào đặc điểm các nhóm nghề nêu trên, xác định nghề cụ thể mà em muốn trải nghiệm và làm theo gợi ý:

- *Xây dựng kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp.*

Tên nghề trải nghiệm:

Thời gian trải nghiệm	Địa điểm trải nghiệm	Hình thức trải nghiệm	Thông tin cần thu thập

Trao đổi với bạn về kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp.

- *Xác định thuận lợi và khó khăn khi thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp đó.*

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở TỈNH TUYÊN QUANG

1. Thuận lợi

Theo số liệu thống kê năm 2019, tổng dân số toàn tỉnh là 786 258 người, số người trong độ tuổi lao động 489 845 người, chiếm 62,3% dân số; cơ cấu nhân lực làm việc trong các ngành như sau: Nông, lâm nghiệp thủy sản 54,3%; Công nghiệp – xây dựng 18,1%; Dịch vụ 27,6%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 30,5% năm 2010 lên 57,1% năm 2019, tăng 26,6%; trong đó qua đào tạo nghề từ 17,2% lên 35,3%, tăng 18,1%; năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 60%, trong đó qua đào tạo nghề trên 37%. Như vậy, tỷ lệ lao động được đào tạo ở tỉnh Tuyên Quang khá cao, là điều kiện thuận lợi để đáp ứng yêu cầu về trình độ đối với các ngành nghề của tỉnh.

Theo Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 12 – 8 – 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, định hướng đào tạo phát triển nhân lực của tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu của một số ngành nghề như sau:

1.1. Nhân lực ngành công nghệ thông tin

Đến năm 2025, nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ công chức chuyên trách và phụ trách công nghệ thông tin toàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 là 210 người. Phần đầu hằng năm 100% công chức chuyên trách và phụ trách về lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên sâu và thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do cơ quan có

thẩm quyền tổ chức; 100% cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho nhu cầu công việc và tham gia vào các giai đoạn triển khai của chính quyền điện tử, ứng dụng tốt dịch vụ công trực tuyến.

1.2. Nhân lực ngành giáo dục, đào tạo

Đến năm 2025, nhu cầu về đội ngũ giảng viên, giáo viên, nhân viên theo cấp học: cấp Mầm non: Đạt chuẩn và trên chuẩn 98,26%; cấp Tiểu học: Đạt chuẩn và trên chuẩn, chiếm 80,5%; cấp Trung học cơ sở: Đạt chuẩn và trên chuẩn 89,42%; cấp Trung học phổ thông: 100% đạt chuẩn và trên chuẩn.

Đến năm 2030, 100% đội ngũ giảng viên, giáo viên các cấp học đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục: Dự kiến từ năm 2021 – 2026 tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt trên 95% trong đó, tỉ lệ thi đỗ đại học từ 28 – 42%; cao đẳng, trung cấp khoảng 8 – 10%.

1.3. Nhân lực ngành du lịch

Đến năm 2025: 100% công chức chuyên trách và phụ trách lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh có trình độ đại học trở lên và bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về du lịch, 100% lao động trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh du lịch được đào tạo chuyên ngành du lịch và bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ; 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn có hoạt động du lịch cộng đồng được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kiến thức làm du lịch.

Phấn đấu đến năm 2030: Duy trì 100% công chức chuyên trách và phụ trách lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh được đào tạo đúng chuyên ngành và tương đương, đồng thời được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về du lịch; 100% lao động trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh du lịch được đào tạo chuyên ngành du lịch và bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ; 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn có hoạt động du lịch cộng đồng được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kiến thức làm du lịch.

1.4. Nhân lực ngành khoa học công nghệ

Phấn đấu đến năm 2025 nhân lực ngành khoa học và công nghệ đạt 4,5% tổng nhân lực toàn tỉnh, trong đó 100% có trình độ chuyên môn đại học trở lên.

Giai đoạn 2021 – 2025, phấn đấu 90% nhân lực tham gia thực hiện các Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ đều có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 100% nhân lực tham gia các hoạt động tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, tư vấn đánh giá nghiệm

thu kết quả Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó có 30% có trình độ chuyên môn từ Thạc sĩ trở lên.

1.5. Nhân lực ngành y tế và dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Đến năm 2025: Đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về y tế là chiếm 1,5%, trong đó 100% có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên; đội ngũ viên chức ngành y tế đến năm 2025 chiếm 70,6%; đội ngũ nhân lực làm việc trong các cơ sở y tế tư nhân chiếm 27,9%, trong đó đạt trình độ đại học trở lên chiếm 40% và đạt 10 bác sĩ/10 000 dân.

Đến năm 2030: Đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về y tế chiếm 1,4%, trong đó 100% có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; đội ngũ viên chức ngành y tế đến năm 2030 chiếm 72,5%; đội ngũ nhân lực làm việc trong các cơ sở y tế tư nhân chiếm 26,1 người trong đó đạt trình độ đại học trở lên chiếm 40%; và đạt 11 bác sĩ/10 000 dân.

Để án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang khuyến khích và tạo cơ hội học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề của người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động.

Ngoài những ngành nêu trên, người lao động ở tỉnh Tuyên Quang có thể làm việc ở các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau như: nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp – xây dựng; dịch vụ. Mỗi lĩnh vực nghề nghiệp có những yêu cầu riêng về trình độ, kĩ năng mà người lao động cần biết để đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Bên cạnh đó, xu hướng xuất khẩu lao động cũng được đẩy mạnh ở tỉnh Tuyên Quang. Người lao động được tư vấn giới thiệu việc làm, học nghề, định hướng nghề nghiệp. Nhờ đó, số lao động được tuyển dụng trong nước và đi xuất khẩu lao động ngày càng tăng.

2. Khó khăn

Số liệu thống kê về lao động, việc làm của tỉnh Tuyên Quang cho thấy: số người lao động không được đào tạo nghề còn chiếm tỉ lệ cao (hơn 60%). Đây là thách thức đối với người lao động trong việc đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng về nhân lực kĩ thuật ở địa phương và một số nơi khác. Nếu người lao động không có tay nghề thì khó tìm được việc làm hoặc làm công việc giản đơn, phổ thông, thu nhập thấp và không ổn định. Ngoài ra, lao động không qua đào tạo sẽ ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng sản xuất và vấn đề an toàn trong lao động.



Hình 4.2. Lao động làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Huiling Wood Products Việt Nam (Yên Sơn)

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng còn gặp nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh; cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được năng lực đào tạo; xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp còn chậm, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo về giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế...

Chất lượng, hiệu quả đào tạo mặc dù đã được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa gắn bó hữu cơ với nhu cầu nhân lực của từng ngành, lĩnh vực cụ thể và yêu cầu của đổi mới cơ cấu kinh tế – xã hội. Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp còn thiếu, chưa chuyên sâu, phần lớn thực hiện kiêm nhiệm. Đội ngũ nhà giáo ở một số cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ; một số ngành nghề xã hội có nhu cầu đào tạo nhưng cơ sở thiếu hụt nên chưa đáp ứng được.

Học sinh, sinh viên tốt nghiệp thường yếu về các kỹ năng mềm như trình độ ngoại ngữ, văn hoá trong giao tiếp ứng xử, tác phong công nghiệp, thái độ nghề nghiệp, khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng khởi nghiệp..., một bộ phận gia đình vẫn coi trọng bằng cấp. Mặt khác thị trường lao động của tỉnh tuy có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với các tỉnh miền núi lân cận, tuy nhiên các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa thực sự chú trọng việc sử dụng lao động đã qua đào tạo nghề, vẫn còn tình trạng sử dụng nhiều lao động phổ thông chưa qua đào tạo.

Đặc biệt đối với xu hướng xuất khẩu lao động thì đòi hỏi kỹ năng, tay nghề cao, ý thức kỷ luật tốt nên một số lao động chưa đáp ứng được. Ngoài ra, một số lao động có tâm lý ngại đi làm việc xa, lo lắng về sự an toàn khi làm việc ngoại tỉnh hoặc ở nước ngoài.

?

Em hãy đọc thông tin ở mục III, kết hợp với tự tìm hiểu để thực hiện nhiệm vụ sau: Xác định thuận lợi và khó khăn của người lao động ở tỉnh Tuyên Quang hiện nay.

Thuận lợi	Khó khăn
?	?



LUYỆN TẬP

1. Truy cập các website tuyển dụng việc làm ở tỉnh Tuyên Quang và các nguồn thông tin khác và thực hiện nhiệm vụ sau:

- Xác định những nghề nghiệp đang tuyển dụng ở tỉnh Tuyên Quang.
- Chỉ ra yêu cầu đối với các nghề đó.

Ví dụ: Nhân viên kế toán:

- *Yêu cầu về trình độ:* Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành kế toán.
- *Yêu cầu về năng lực:* sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, kê khai thuế và các phần mềm tin học khác hỗ trợ cho nghiệp vụ kế toán; phân tích tài chính doanh nghiệp, khả năng làm việc độc lập.
- *Yêu cầu phẩm chất:* Trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ.
- *Yêu cầu khác:* Ưu tiên người đã và đang làm việc, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán.

2. Trao đổi về với người thân, người quen đang làm việc trong một số lĩnh vực nghề nghiệp mà em quan tâm

Các thông tin cần tìm hiểu	Trả lời
Tên nghề mà em quan tâm	–
Phẩm chất, kĩ năng cần thiết	–
Yêu cầu về trình độ đào tạo	–
Những khó khăn thách thức	–

3. Thử làm phóng viên

– Chọn và phỏng vấn nhà tuyển dụng về sự đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp của người lao động (**Ví dụ:** trình độ, kĩ năng, thái độ với nghề, sự chấp hành nội quy, kỉ luật lao động, thực hiện an toàn lao động...).

Gợi ý:

- Phỏng vấn chủ một cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ ở địa phương của em.
- Xác định điểm thuận lợi và khó khăn của người lao động trong việc đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động.
 - Viết đoạn ngắn mô tả kết quả buổi phỏng vấn đó.
- Nhà tuyển dụng đó là ai?
- Họ làm việc trong lĩnh vực nào?
- Yêu cầu đối người lao động mà họ tuyển dụng (độ tuổi, giới tính, kĩ năng, kinh nghiệm, thái độ nghề nghiệp...)?
- Điều hài lòng và chưa hài lòng của nhà tuyển dụng đối với người lao động?



VẬN DỤNG

1. Trao đổi với bố mẹ, người thân về nghề phù hợp của bản thân

Gợi ý:

- Chỉ ra sự phù hợp về tính cách, sở thích đối với nghề đó.
- Chỉ ra khả năng có thể đáp ứng đối với nghề dự định lựa chọn.
- Trao đổi những thuận lợi đối với việc đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp dự định.
- Tổng hợp lại thành bản mô tả sự phù hợp của bản thân và tự đánh giá mức độ.

Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp
?	?	?
?	?	?
?	?	?

TÌM HIỂU THÊM

Để tìm hiểu bản thân, các em học sinh hãy làm trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp do nhà tâm lý học người Mỹ John Holland xây dựng. Trắc nghiệm được chia làm 6 nhóm nghề nghiệp khác nhau sử dụng phổ biến ở Việt Nam. Học sinh thực hiện trắc nghiệm này theo hướng dẫn sau:

Ở mỗi nhóm sở thích nghề nghiệp sau đây, các em hãy đọc kĩ nội dung và cho **1 điểm** vào ý đúng với bản thân và cho **0 điểm** nếu không đúng. Tiếp theo các em cộng điểm tổng cho từng nhóm. Như vậy tổng điểm ở mỗi nhóm cao nhất là 10 và thấp nhất là 0 điểm.

STT	Nhóm 1: Nhóm Kỹ thuật	Điểm (1 điểm)
1	Tôi tự thấy mình là người khá về các môn thể thao	
2	Tôi là người yêu thích thiên nhiên	
3	Tôi là người hay tò mò về thế giới xung quanh mình (thiên nhiên, không gian, những sinh vật sống)	
4	Tôi là người độc lập	
5	Tôi thích sửa chữa đồ vật, vật dụng xung quanh tôi	
6	Tôi thích làm việc sử dụng tay chân (làm vườn, sửa chữa nhà cửa)	
7	Tôi thích tập thể dục	
8	Tôi thích dành dụm tiền	
9	Tôi thích làm việc cho đến khi công việc hoàn thành (không thích bỏ dở việc)	
10	Tôi thích làm việc một mình	
	Cộng điểm tổng nhóm 1	

STT	Nhóm 2: Nhóm Nghiên cứu	Điểm (1 điểm)
1	Tôi là người rất hay để ý tới chi tiết và cẩn thận	
2	Tôi tò mò về mọi thứ	
3	Tôi có thể tính những bài toán phức tạp	
4	Tôi thích giải các bài tập toán	
5	Tôi thích sử dụng máy tính	

6	Tôi rất thích đọc sách	
7	Tôi thích sưu tập	
8	Tôi thích trò chơi ô chữ	
9	Tôi thích học các môn khoa học	
10	Tôi thích những thách thức	
	Cộng điểm tổng nhóm 2	

STT	Nhóm 3: Nhóm Nghệ thuật	Điểm (1 điểm)
1	Tôi rất sáng tạo	
2	Tôi thích vẽ, tô màu và sơn	
3	Tôi có thể chơi một nhạc cụ	
4	Tôi thích tự thiết kế quần áo cho mình hoặc mặc những thời trang lạ và thú vị	
5	Tôi thích đọc truyện viễn tưởng, kịch và thơ ca	
6	Tôi thích mỹ thuật và thủ công	
7	Tôi xem rất nhiều phim	
8	Tôi thích chụp hình mọi thứ (chim, người, cảnh đẹp...)	
9	Tôi thích học một ngoại ngữ	
10	Tôi thích hát, đóng kịch và khiêu vũ	
	Cộng điểm tổng nhóm 3	

STT	Nhóm 4: Nhóm Xã hội	Điểm (1 điểm)
1	Tôi rất thân thiện	
2	Tôi thích chỉ dẫn hoặc dạy người khác	
3	Tôi thích nói chuyện trước đám đông	
4	Tôi làm việc rất tốt trong nhóm	
5	Tôi thích điều hành các cuộc thảo luận	
6	Tôi thích giúp đỡ những người gặp khó khăn	

7	Tôi chơi các môn thể thao có tính đồng đội	
8	Tôi thích đi dự tiệc	
9	Tôi thích làm quen với bạn mới	
10	Tôi thích làm việc với các nhóm hoạt động xã hội tại trường học, thôn, xóm, hay cộng đồng	
	Cộng điểm nhóm 4	

STT	Nhóm 5: Nhóm Quản lí	Điểm (1 điểm)
1	Tôi thích học hỏi về tài chính (tiền bạc)	
2	Tôi thích bán các sản phẩm (kẹo, bút viết v.v...)	
3	Tôi nghĩ mình thuộc dạng nổi tiếng ở trường	
4	Tôi thích lãnh đạo nhóm và các cuộc thảo luận	
5	Tôi thích được bầu vào các vị trí quan trọng trong lớp, nhóm hoặc câu lạc bộ trong và ngoài nhà trường	
6	Tôi thích có quyền và thích ở vị trí lãnh đạo	
7	Tôi muốn sở hữu một doanh nghiệp nhỏ	
8	Tôi thích tiết kiệm tiền	
9	Tôi thích làm việc cho tới khi công việc hoàn tất	
10	Tôi thích mạo hiểm và tham gia các cuộc phiêu lưu mới	
	Cộng điểm nhóm 5	

STT	Nhóm 6: Nhóm Nghiệp vụ	Điểm (1 điểm)
1	Tôi thích gọn gàng và ngăn nắp	
2	Tôi thích phòng của tôi thường xuyên gọn gàng và ngăn nắp	
3	Tôi thích sưu tầm các bài báo về các sự kiện nổi tiếng	
4	Tôi thích lập những danh sách các việc cần làm	
5	Tôi thích sử dụng máy tính	

6	Tôi rất thực tế và cân nhắc mọi chi phí trước khi mua một thứ gì đó	
7	Tôi thích đánh máy bài tập của trường lớp hơn là viết tay	
8	Tôi thích đảm nhận công việc thư kí trong một câu lạc bộ hay nhóm	
9	Khi làm toán, tôi hay kiểm tra lại bài làm nhiều lần	
10	Tôi thích viết thư	
	Cộng điểm nhóm 6	

Kết quả trắc nghiệm đạt điểm cao ở nhóm nghề nghiệp nào thì các em có xu hướng thích hoạt động trong nhóm nghề nghiệp đó nhiều hơn. Các em nên chọn nhóm có điểm tổng cao nhất để đảm bảo đánh giá đúng sở thích nghề nghiệp.

Nếu 2 nhóm có số điểm giống nhau thì chọn nhóm mà các em **thích làm và đã làm tốt** trong thực tế nhiều hơn.

BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC Ở TỈNH TUYỀN QUANG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được những nét cơ bản về việc chỉ đạo và kết quả thực hiện công tác bình đẳng giới những năm gần đây của tỉnh Tuyền Quang.
- Chỉ ra được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống người dân tỉnh Tuyền Quang.
- Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giới trong các tình huống cụ thể của đời sống.
- Ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện công tác bình đẳng giới.



Hình 5.1

?

Hãy chia sẻ những suy nghĩ của em qua thông điệp của bức tranh.

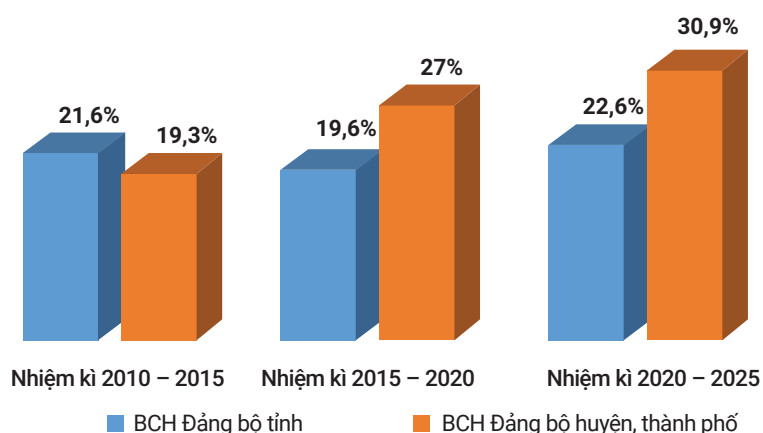


1. Công tác bình đẳng giới ở Tuyên Quang trong giai đoạn hiện nay

Xác định công tác bình đẳng giới là một nhiệm vụ quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh nhà. Tỉnh Tuyên Quang đã quan tâm, chỉ đạo, triển khai nhiều hoạt động phong phú, thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ vươn lên trong học tập, lao động và tham gia vào các lĩnh vực hoạt động trong đời sống xã hội. Từ đó, góp phần thu hẹp khoảng cách giới, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Cụ thể:

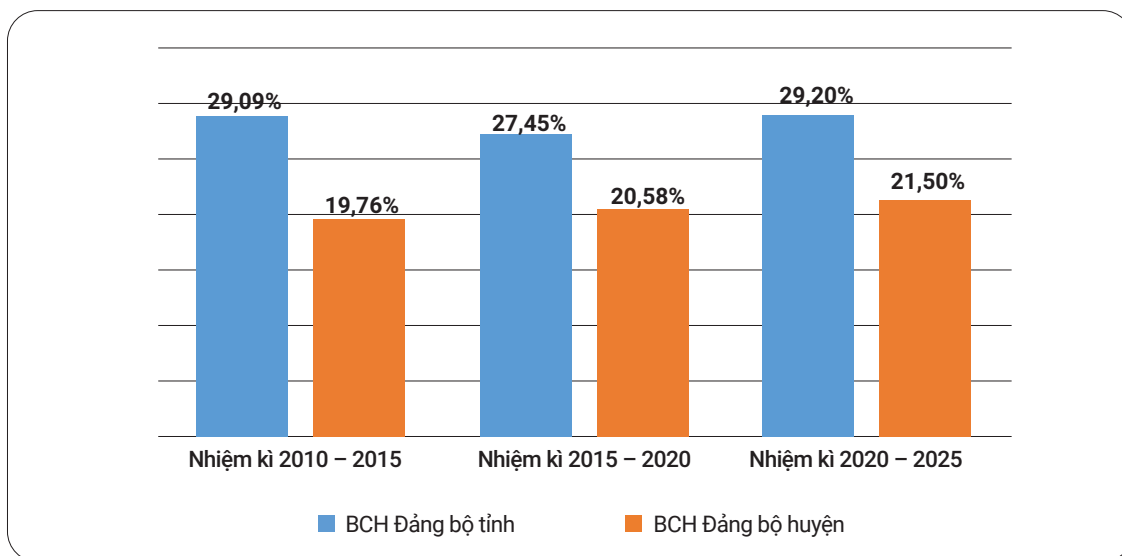
a. Trong lĩnh vực chính trị

Chính quyền, đoàn thể các cấp đã thực hiện nghiêm túc quy trình, quy định, nguyên tắc bình đẳng giới trong công tác cán bộ nói chung và cán bộ nữ nói riêng. Tin tưởng giao nhiệm vụ cho cán bộ nữ, quan tâm, động viên và phát huy năng lực sở trường của cán bộ, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số học tập, rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành. Việc bố trí, sử dụng cán bộ của tỉnh, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo cơ cấu cán bộ hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Kết quả: Tỷ lệ cán bộ nữ được quy hoạch, được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp tăng qua từng nhiệm kỳ.⁸



Biểu đồ 5.1. Tỷ lệ cán bộ nữ được quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp trong giai đoạn 2010 – 2025

⁸ Theo Báo cáo số 266/BC-SLĐTBXH ngày 13 – 6 – 2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang.



Biểu đồ 5.2. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp trong giai đoạn 2010 – 2025

b. Trong lĩnh vực kinh tế, lao động

Tích cực tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong nước và nước ngoài. Triển khai kịp thời, có hiệu quả công tác cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi tạo việc làm trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức các lớp tập huấn về chính sách pháp luật lao động cho doanh nghiệp có đông lao động nữ, tổ chức ngày hội việc làm và xuất khẩu lao động... Xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động, tư vấn về việc làm, tổ chức các phiên giao dịch việc làm thông qua sàn giao dịch việc làm. Triển khai chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp,...

Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực kinh tế, lao động.

Chỉ tiêu đến năm 2025: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương đạt 50%; giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30%; tỷ lệ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã ít nhất 27%.



Hình 5.2. Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho phụ nữ địa phương năm 2023 tại xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương

c. Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông

Năm 2022, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang đã có nhiều văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các sở, ngành và các đơn vị triển khai thực hiện, trong đó đã đặc biệt chú trọng đến các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực quản lý Nhà nước về bình đẳng giới; hướng dẫn các cơ quan, các huyện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo nâng cao hiểu biết và nhận thức đúng về bình đẳng giới một cách toàn diện trong mọi tầng lớp nhân dân.

Yêu cầu mỗi năm, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân được truyền thông, phổ biến, cập nhật thông tin về pháp luật, chính sách về bình đẳng giới ít nhất 02 cuộc; đến năm 2025 đạt 100% sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng năm; phấn đấu đến năm 2030 nhận thức về bình đẳng giới của các nhóm đối tượng trong cộng đồng tăng từ 10 – 15% so với năm 2025; phấn đấu đến năm 2025 đạt ít nhất 70% cơ quan truyền thông áp dụng thí điểm và đến năm 2030 đạt 90% cơ quan truyền thông chính thức áp dụng Bộ chỉ số về giới trong truyền thông; đến năm 2025 đạt 95% và đến năm 2030 đạt 100% các hương ước, quy ước của cộng đồng đã được thông qua không có sự phân biệt đối xử về giới.



Hình 5.3. Hội nghị tuyên truyền pháp luật về Bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình tại Công ty TNHH MSA YB năm 2022

d. Trong lĩnh vực y tế

Công tác bình đẳng giới trong việc tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe đã được ngành y tế phối hợp với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội triển khai và thực hiện đồng bộ và hiệu quả. Chú trọng thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe nhân dân, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến kiến thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản vị thành niên, dân số kế hoạch

hoá gia đình, phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS, tránh mang thai ngoài ý muốn, giảm thiểu mất cân bằng giới tính...

+ Công tác thông tin, giáo dục truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản được tăng cường ở tất cả các tuyến tỉnh, huyện, xã, thực hiện lồng ghép với các hoạt động của hội, đoàn thể các cấp.

+ 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tư vấn, được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nhiều dịch vụ được miễn phí như vòng tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, que cấp tránh thai... đặc biệt là các đối tượng thuộc hộ nghèo tất cả các dịch vụ tránh thai đều được miễn phí.

Giáo dục, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về giới trong chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, vận động nam giới và nữ giới áp dụng các biện pháp tránh thai, tuyên truyền, hướng dẫn phụ nữ biết cách chăm sóc sức khỏe trong giai đoạn thai kỳ.

+ Phối hợp tổ chức tập huấn cho 64 908 lượt bà mẹ có con dưới 16 tuổi, phổ biến kiến thức về sức khỏe sinh sản và kỹ năng sống cho 19 471 trẻ vị thành niên.

+ 100% số phụ nữ sinh con tại các cơ sở y tế, được chăm sóc sau sinh, giảm thiểu những tai biến sản khoa xảy ra.

Các nhà trường thực hiện tốt công tác y tế học đường, xác định rõ trách nhiệm trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu và tư vấn tâm lý cho học sinh. 100% học sinh được khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ, 100% học sinh trong độ tuổi được tiêm Vaccine Covid-19.

e. Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Nội dung về giới, bình đẳng giới được tích hợp vào chương trình giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục trong nhà trường, 100% cán bộ phụ trách công tác về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành giáo dục được tham gia tập huấn; 100% cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ tư vấn của các trường học được nâng cao năng lực thông qua việc tiếp cận các kiến thức liên quan đến giới, bình đẳng giới, lồng ghép giới và phòng, chống bạo lực học đường. Thực hiện nhiều giải pháp nhằm hạn chế tình trạng học sinh bỏ học, đặc biệt là học



*Hình 5.4. Cán bộ Trạm Y tế xã
Thành Long, huyện Hàm Yên
tuyên truyền cho người dân về dân số,
kế hoạch hoá gia đình*

sinh nữ, tạo sân chơi, hứng thú học tập cho học sinh, tính đến năm 2022 tỉ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc mầm non đạt 99,9%; bậc tiểu học đạt 100%; bậc Trung học cơ sở, Trung học phổ thông đạt hơn 99%.

Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã giảm thiểu tình trạng bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời các vụ bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em đặc biệt là các vụ bạo lực diễn ra trong môi trường học đường nhằm đến đối tượng học sinh nữ.



Hình 5.5. Hội nghị truyền thông về bình đẳng giới tại trường Trung học phổ thông Yên Hoa

?

- 1. Hãy trình bày những nét cơ bản trong công tác bình đẳng giới ở tỉnh Tuyên Quang.*
- 2. Nêu những việc tỉnh Tuyên Quang đã làm được trong công tác bình đẳng giới ở lĩnh vực y tế và lĩnh vực giáo dục.*
- 3. Hãy nêu những việc làm thực hiện quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình ở địa phương em (nêu rõ những việc nên làm, những việc không nên làm).*

2. Ý nghĩa của bình đẳng giới đối với người dân tỉnh Tuyên Quang

Tình huống: Chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Lê Văn K và có 3 người con gái. Vợ chồng chị và các con đang sống với bố mẹ chồng, K là con trai một của gia đình nên mẹ chồng chị ép chị tiếp tục sinh con thứ 4 để có cháu trai nối dõi tông đường. Mong muốn mẹ chồng thay đổi cách nghĩ, Chị M đã nhờ chi hội Phụ nữ của thôn đến để phân tích, tư vấn cho Bà hiểu được vai trò của nam và nữ trong cuộc

sống hiện nay. Nhờ đó mà mẹ chồng cũng đã dần thay đổi cách nghĩ trọng nam khinh nữ, chị M và gia đình có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc tốt hơn cho các con của mình.

?

Dựa vào thông tin ở mục 1 em hãy cho biết bình đẳng giới trong một số lĩnh vực đã mang lại ý nghĩa gì cho người dân tỉnh Tuyên Quang?

Bình đẳng giới tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động, khẳng định vai trò nữ giới trong các hoạt động xã hội. tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Bình đẳng giới nhằm tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ.

Bình đẳng giới góp phần hỗ trợ, tư vấn giúp các nạn nhân bị bạo lực gia đình; nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi trong thực hiện bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của công dân trong thực hiện bình đẳng giới ở tỉnh Tuyên Quang

Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

Tình huống: Được biết Hội phụ nữ xã thành lập đội công tác nhằm tuyên truyền, tư vấn cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình. Anh K đã đăng kí tham gia. Thấy nhiều chị em băn khoăn cho rằng công việc này không phù hợp với nam giới, anh K đã giải thích: Tôi có chuyên môn về lĩnh vực này, hơn nữa nam và nữ bình đẳng tham gia các hoạt động xã hội.

?

Là học sinh trung học phổ thông, em cần phải có trách nhiệm gì trong việc thực hiện bình đẳng giới ở gia đình, nhà trường và xã hội?



LUYỆN TẬP

1. Em đồng ý hay không đồng ý với nhận định nào dưới đây? Vì sao?

- Bình đẳng giới là nam và nữ đều được tiếp cận với giáo dục, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đào tạo nghề, ...
- Bình đẳng không có nghĩa là nam giới và phụ nữ hoàn toàn như nhau mà là các điểm tương đồng và khác biệt giữa họ được thừa nhận và tôn trọng.
- Bình đẳng giới là luôn ưu tiên cho phụ nữ để họ phát huy được hết năng lực của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội
- Trong gia đình, việc lớn, việc trọng đại là của nam giới còn việc nội trợ, chăm sóc giáo dục con là của phụ nữ.

2. Đọc và xử lý các tình huống sau:

a. Cơ quan A chuẩn bị bổ nhiệm Phó Chánh Văn phòng: khi lấy phiếu tín nhiệm của cán bộ, công chức trong đơn vị, có 01 công chức nam, 01 công chức nữ đủ điều kiện, tiêu chuẩn để được giới thiệu vào chức danh trên. Nhưng lãnh đạo cơ quan quyết định chỉ giới thiệu công chức nam vì cho rằng công chức nữ vướng bận công việc gia đình, nghỉ thai sản, chăm sóc con cái... khó thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

?

Theo em, lãnh đạo cơ quan A quyết định như vậy có đúng không? Vì sao? Nếu vi phạm thì vi phạm quy định nào của luật bình đẳng giới?

b. Vợ chồng chị H công tác tại cơ quan X. Anh K chồng chị H cho rằng việc quán xuyến gia đình như đi chợ, nấu cơm, giặt giũ, lau dọn nhà cửa, chăm sóc con cái... là việc của phụ nữ, nam giới chỉ giải quyết những công việc lớn trong gia đình nên anh đã không làm việc nhà cùng vợ.

?

Theo em anh K có suy nghĩ như vậy đúng hay sai? Vì sao? Giả sử em là người thân trong gia đình anh K, em sẽ làm gì để thay đổi suy nghĩ của anh K?

3. Hãy kể một số việc làm thể hiện trách nhiệm của các thành viên trong gia đình để bảo đảm bình đẳng giới theo gợi ý sau:

- Các thành viên trong gia đình cùng nhau chia sẻ việc nhà, những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.
- Vợ, chồng cùng nhau: chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, phòng, chống bạo lực gia đình.
- Vợ, chồng cùng tham gia bàn bạc, quyết định các vấn đề của gia đình như: Phát triển kinh tế gia đình, mua sắm tài sản, định hướng nghề nghiệp cho con...



VẬN DỤNG

Thiết kế Poster (áp phích), vẽ tranh cổ động, thiết kế tờ rơi tuyên truyền về bình đẳng giới nhằm hướng tới một xã hội tiến bộ, bình đẳng, văn minh tại địa phương em.

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Tìm hiểu được một số mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, sạch ở địa phương.
- Đề xuất được một số cách thức để sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, sạch ở địa phương.
- Thực hiện được dự án: Tìm hiểu về sản xuất nông nghiệp xanh ở địa phương (sử dụng phân bón ở địa phương hoặc thực hành trồng cây với các kĩ thuật bón phân phù hợp,...).



MỞ ĐẦU

?

Hãy chia sẻ thông tin về sản phẩm nông nghiệp ở tỉnh Tuyên Quang mà em biết.



Hình 6.1. Chè Shan tuyết ở huyện Na Hang – sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng của tỉnh Tuyên Quang



1. Nông nghiệp xanh

Nông nghiệp xanh là mô hình sản xuất nông nghiệp vừa đáp ứng được nhu cầu lương thực, thực phẩm vừa đảm bảo an toàn cho người sản xuất và người tiêu dùng, ít tác động đến môi trường, giúp làm chậm quá trình biến đổi khí hậu. (Theo OECD, 2010)

Nông nghiệp xanh áp dụng đồng bộ quy trình, công nghệ để sử dụng hợp lý, tiết kiệm các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng hiệu quả nhất nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Nông nghiệp xanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nông sản, phát triển công nghệ chế biến và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải, bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái nông nghiệp...

2. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp xanh ở tỉnh Tuyên Quang

Tỉnh Tuyên Quang đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển nông nghiệp xanh, ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, giúp nông dân sản xuất bền vững, an toàn cho người tiêu dùng và không gây tổn hại tới môi trường, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu. Một số mô hình nông nghiệp xanh triển khai có hiệu quả ở tỉnh Tuyên Quang như: mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; mô hình nông nghiệp theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học; mô hình nông nghiệp gắn với du lịch; mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

a. Mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Mô hình nông nghiệp công nghệ cao là mô hình sản xuất áp dụng những công nghệ mới như: công nghiệp hoá nông nghiệp (cơ giới hoá các khâu của quá trình sản xuất), tự động hoá, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học và các giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất và chất lượng cao, đạt hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích và phát triển bền vững trên cơ sở canh tác hữu cơ.

Mục tiêu xuyên suốt của ngành nông nghiệp Tuyên Quang là đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, đặc biệt phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi. Trong lĩnh vực trồng trọt, trên địa bàn tỉnh đã hình thành các mô hình sản xuất như: mô hình trồng rau công nghệ cao tại xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương; mô hình trồng các loại dưa

trong nhà màng ở huyện Chiêm Hoá. Tỉnh đã ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng nhãn hiệu và phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc sản như: Bưởi Phúc Ninh, hồng Xuân Vân (huyện Yên Sơn); chè xanh Trung Long (huyện Sơn Dương), chè Shan tuyết (huyện Na Hang)... Năm 2023, toàn tỉnh có 04 sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lí, gồm: Cam sành Hàm Yên, Bưởi Soi Hà Yên Sơn, Chè Shan tuyết Na Hang và Rượu ngô men lá Na Hang. Tỉnh đã ứng dụng công nghệ cao trong lựa chọn giống lạc đặc sản L14 phù hợp với địa bàn huyện Chiêm Hoá, Lâm Bình và mô hình thay thế, thâm canh một số giống chè mới có năng suất, chất lượng cao. Trong lĩnh vực chăn nuôi, trang trại bò sữa ở xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn ứng dụng công nghệ hiện đại vào chăn nuôi bò sữa, mô hình nhân giống trâu ngố, cá Anh Vũ đặc sản quý hiếm bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo... đã triển khai có hiệu quả.



Hình 6.2. Mô hình trồng rau ứng dụng công nghệ cao ở huyện Sơn Dương



Hình 6.3. Mô hình trồng dưa lưới ở huyện Chiêm Hoá



Hình 6.4. Mô hình trồng chè ứng dụng hệ thống tưới ẩm tự động ở huyện Hàm Yên



Hình 6.5. Mô hình trang trại bò sữa ứng dụng công nghệ cao ở huyện Yên Sơn

b. Mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ là sản xuất dựa vào các quá trình sinh thái, như tái chế chất thải, phân hữu cơ (như phân chuồng, phân xanh) và các loại thuốc trừ

sâu tự nhiên thay cho sử dụng phân hoá học và thuốc trừ sâu. Sản xuất nông nghiệp an toàn sinh học là hoạt động sản xuất áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân sinh học xuất hiện tự nhiên hoặc do con người tạo ra gây hại đến con người, gia súc và hệ sinh thái.

Tỉnh Tuyên Quang đã xây dựng mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, góp phần bảo vệ môi trường như trồng cam hữu cơ ở huyện Hàm Yên, trồng bưởi đặc sản Phúc Ninh hữu cơ huyện Yên Sơn, trồng chè hữu cơ ở huyện Sơn Dương, vùng sản xuất rau an toàn tại huyện Chiêm Hoá và thành phố Tuyên Quang... Tỉnh chú trọng xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu chè an toàn theo hướng hữu cơ. Sản phẩm được kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh, được chứng nhận gắn tem, nhãn để người tiêu dùng nhận diện được sản phẩm an toàn và có thể truy xuất được nguồn gốc, từng bước xây dựng thương hiệu chè Tuyên Quang.



Hình 6.6. Trồng cam sành hữu cơ ở huyện Hàm Yên



Hình 6.7. Trang trại chăn nuôi lợn đen bản địa theo hướng hữu cơ ở huyện Yên Sơn

Trong lĩnh vực chăn nuôi, tỉnh bước đầu đã hình thành một số vùng chăn nuôi hàng hoá an toàn sinh học, như vùng chăn nuôi lợn an toàn sinh học ở huyện Sơn Dương, Yên Sơn, nuôi cá lồng trên sông, hồ... Mô hình chăn nuôi lợn đen bản địa theo hướng hữu cơ tại xã Thái Bình, huyện Yên Sơn theo tiêu chí 3 “không” (không sử dụng cám công nghiệp làm thức ăn, không sử dụng chất kháng sinh, chất tạo nạc, không gây ô nhiễm môi trường chung).

c. Mô hình nông nghiệp xanh gắn với du lịch

Tỉnh Tuyên Quang có tiềm năng sản xuất nông nghiệp với hệ sinh thái khá đa dạng, có rất nhiều điểm tham quan nên thích hợp cho các dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, du lịch dựa vào cộng đồng.

Tỉnh đã đẩy mạnh chương trình mỗi xã một sản phẩm (Ocop) nhằm thu hút du khách đến tham quan, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm với mẫu mã đẹp, chất lượng cao phục vụ khách du lịch. Tỉnh Tuyên Quang phát triển kinh tế nuôi cá trên lòng hồ, kết hợp với du lịch văn hoá ở huyện Na Hang. Hiện nay, các tour du lịch nông nghiệp đã được triển khai như: du lịch cộng đồng homestay kết hợp tham quan lòng hồ thuỷ điện. Tuyên Quang và trải nghiệm các hoạt động bắt cá, làm bún khô ở xã Đà Vị; trải nghiệm du lịch Hồng Thái, ngắm ruộng bậc thang, chế biến chè Shan Tuyết, thu hoạch dâu tây (huyện Na Hang); tham quan các nhà vườn trồng cam sành, thanh long tại huyện Hàm Yên; trải nghiệm hái và chế biến chè tại Làng nghề Chè Vĩnh Tân ở xã Tân Trào (huyện Sơn Dương), xã Mỹ Bằng (huyện Yên Sơn)...



Hình 6.8. Du khách tham quan và trải nghiệm hái chè tại xã Mỹ Bằng (huyện Yên Sơn)



Hình 6.9. Du khách tham quan và trải nghiệm tại vườn cam hơn 30 năm tuổi ở xã Phù Lưu (huyện Hàm Yên)

d. Mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp là quá trình sản xuất theo chu trình khép kín mà hầu hết các chất thải, phế phụ phẩm được tận dụng quay trở lại làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác, trở thành các sản phẩm phân bón hoặc sản phẩm hữu dụng khác. Mô hình kinh tế tuần hoàn là rất cần thiết để có môi trường sản xuất an toàn, hiệu quả và bền vững.

Tỉnh Tuyên Quang đã có một số doanh nghiệp, trang trại bước đầu áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, mô hình nông lâm kết hợp, mô hình cá – lúa. Hợp tác xã nông lâm nghiệp đã liên kết với các hộ chăn nuôi trâu bò theo chuỗi liên kết tại các huyện Chiêm Hoá, Hàm Yên, hướng dẫn cách ủ phân, cấy giun quế giống, sử dụng giun quế làm thức ăn trong chăn nuôi. Mô hình kết hợp trồng rừng, nuôi gia cầm, gia súc dưới những tán rừng phòng hộ và rừng tự nhiên như mô hình trồng rừng

keo kết hợp chăn nuôi dê, bò, lợn, gà ở huyện Sơn Dương. Mô hình nông lâm kết hợp đã được triển khai hiệu quả ở huyện Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương, Na Hang, Lâm Bình. Trong mô hình này, tầng cao nhất trồng cây bản địa như dổi, sấu; tầng thứ 2 trồng keo, tầng thứ 3 trồng cây ăn quả. Mô hình nuôi cá trên ruộng lúa (một vụ nuôi cá, một vụ trồng lúa) ở huyện Sơn Dương, Chiêm Hoá mang lại hiệu quả cao.



Hình 6.10. Mô hình nông lâm kết hợp chăn nuôi đại gia súc dưới tán rừng, nuôi thủy sản ở vùng lòng hồ sinh thái Na Hang – Lâm Bình



Hình 6.11. Nuôi giun quế ở hợp tác xã nông nghiệp của huyện Yên Sơn

?

1. Đọc thông tin mục 2 và quan sát các hình 6.2 đến 6.11, trình bày một số mô hình sản xuất nông nghiệp xanh ở tỉnh Tuyên Quang.
2. Lựa chọn nội dung và chia sẻ về mô hình sản xuất nông nghiệp xanh ở địa phương.

3. Một số cách thức sản xuất nông nghiệp xanh ở tỉnh Tuyên Quang

a. Cách thức sản xuất ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

Một số doanh nghiệp của tỉnh đã tiếp cận ứng dụng công nghệ IoT (sử dụng hệ thống cảm biến, máy ảnh và các thiết bị khác trong quá trình sản xuất nông nghiệp); công nghệ GIS thông minh quản lý và dự báo sâu bệnh, truy xuất nguồn gốc điện tử. Trang trại trồng dưa được lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt tự động ứng dụng theo công nghệ thủy canh Israel được điều khiển bằng điện thoại thông minh,

nước được tưới nhỏ giọt đến từng gốc cây, phân bón được hòa vào nước, theo hệ thống tưới cung cấp dinh dưỡng cho cây phát triển. Hệ thống này tự động tưới chính xác cho mỗi cây nên đưa phát triển đồng đều, tiết kiệm nước, phân bón, thời gian và nhân công chăm sóc, giảm thiểu những bất lợi từ thời tiết, sâu, bệnh hại. Trang trại nuôi bò sữa ở huyện Yên Sơn sử dụng hệ thống tự động hoá từ chế biến thức ăn, theo dõi sức khỏe cho đàn bò, làm mát, xử lý chất thải, vắt sữa, bảo quản sữa tươi...



Hình 6.12. Trồng rau thủy canh ở huyện Sơn Dương



Hình 6.13. Ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt ở huyện Chiêm Hoá

b. Cách thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học

Tỉnh Tuyên Quang đang ứng dụng một số cách thức sản xuất an toàn trong trồng rau trong nhà, trồng chè hữu cơ như: phân bón được ngâm, ủ từ đồ tương, cá, quả chuối; sử dụng hỗn hợp các loại củ quả từ tự nhiên, thuốc hữu cơ vi sinh để phòng trừ sâu hại; hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, hoá chất trừ sâu; áp dụng quy trình VietGAP từ khâu sản xuất đến chế biến thành phẩm... Sử dụng các phương thức sản xuất hữu cơ giúp hạn chế được sâu bệnh hại một cách tự nhiên, cải tạo đất đai, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, góp phần đảm bảo sức khỏe cho người dân, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

Các cơ sở chăn nuôi lợn, gà an toàn sinh học ở tỉnh Tuyên Quang đã tích cực triển khai áp dụng công nghệ nuôi theo hướng VietGAP, sử dụng đệm lót sinh học, sử dụng chế phẩm sinh học, cám sinh học Libio không chất tăng trưởng, không chất kháng sinh,... Việc sử dụng các loại vaccine trong phòng trừ dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý nguồn nước và phòng trừ dịch bệnh thủy sản... đã góp phần làm giảm phát sinh các ổ dịch bệnh, khống chế kịp thời không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng, hạn chế thiệt hại cho sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cho người sản xuất và người tiêu dùng.



Hình 6.14. Phun thuốc hữu cơ vi sinh phòng trừ sâu bệnh hại vườn cam ở huyện Hàm Yên



Hình 6.15. Sử dụng cám sinh học Libio trong chăn nuôi lợn ở huyện Yên Sơn

c. Cách thức sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, khép kín

Tỉnh Tuyên Quang đã triển khai nuôi giun quế nhằm tận dụng lượng chất thải từ chăn nuôi gia súc, gia cầm, sử dụng giun quế làm thức ăn chăn nuôi, sử dụng hầm biogas để xử lý chất thải chăn nuôi thành khí sinh học, ủ phân hữu cơ từ cá, tảo, đậu tương bổ sung nguồn đạm tự nhiên để thay thế các loại phân bón vô cơ trong trồng cây ăn quả có múi,... Các trang trại chăn nuôi kết hợp với trồng cây ăn quả, trồng rau an toàn, kết hợp trồng rừng và chăn nuôi dưới tán rừng,... nhằm tận dụng nguồn phân hữu cơ, nước thải chăn nuôi đã được xử lý bón tưới cho cây trồng, và sản phẩm cây trồng được quay trở lại làm thực phẩm và thức ăn cho chăn nuôi. Ngoài ra việc bảo vệ rừng kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm dưới tán rừng đã góp phần làm giảm tình trạng phá rừng làm nương rẫy, khai thác lâm sản trái phép. Trong mô hình cá – lúa, cá ăn sâu bọ hại lúa, sục bùn, diệt cỏ dại và thải phân làm tốt lúa; cá ăn các loại thức ăn có sẵn trên đồng ruộng nên tiết kiệm được chi phí thức ăn nuôi cá, bảo vệ môi trường.



Hình 6.16. Mô hình cá – lúa ở huyện Sơn Dương



Hình 6.17. Hầm biogas để xử lý các chất thải chăn nuôi tạo khí sinh học ở huyện Yên Sơn

1. Đọc thông tin mục 3 và quan sát các hình 6.12 đến 6.17, kể tên một số cách thức sản xuất nông nghiệp xanh, sạch ở địa phương.

2. Các cách thức sản xuất nông nghiệp xanh góp phần bảo vệ môi trường như thế nào?

3. Đề xuất cách thức sản xuất nông nghiệp xanh, sạch ở địa phương em nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

Đề xuất ý tưởng cách thức sản xuất nông nghiệp xanh, sạch	Cách thực hiện
?	?
?	?

4. Thực hiện dự án: tìm hiểu, thực hành về sản xuất nông nghiệp xanh ở địa phương

a. Chuẩn bị: Dụng cụ chụp hình, máy tính, máy chiếu, bài thuyết trình, tranh ảnh, video clip về bón phân, kỹ thuật trồng cây,...

b. Hướng dẫn thực hiện dự án:

Nội dung:

– Đề xuất ý tưởng và lựa chọn dự án về nông nghiệp xanh phù hợp ở địa phương để điều tra, tìm hiểu, ví dụ : Dự án 1: Điều tra sử dụng phân bón ở địa phương; Dự án 2: Tìm hiểu và thực hành trồng cây với kỹ thuật bón phân phù hợp,...

– Định hướng nội dung thực hiện ở mỗi dự án: Lựa chọn đối tượng nghiên cứu và nêu rõ mục đích nghiên cứu; Xây dựng phiếu thu thập kết quả nghiên cứu; Phân tích ưu điểm, hạn chế, giá trị thực tiễn của việc bón phân cho cây trồng ở địa phương; Kết luận, đề xuất (theo quan điểm cá nhân) về việc sử dụng phân bón hướng đến sản xuất xanh, sạch ở địa phương...

Lập kế hoạch thực hiện dự án:

– Mỗi nhóm tiến hành lập kế hoạch thực hiện dự án:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nhóm: ?
Tên dự án: ?

Thời gian	Nội dung thực hiện	Người thực hiện
?		
?		

– Các nhóm trình bày kế hoạch, góp ý và chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế địa phương.

c. Thực hiện dự án:

– Các nhóm thực hiện theo kế hoạch đã chỉnh sửa.

d. Xây dựng và báo cáo sản phẩm dự án:

– Sản phẩm dự án là tập san, bài thuyết trình, video, mô hình, mẫu vật thật...

– Các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm theo các hình thức khác nhau: thuyết trình, đóng kịch, làm phim khoa học, tổ chức trò chơi,...

e. **Đánh giá dự án:** Học sinh và giáo viên thảo luận các tiêu chí, thực hiện đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ trong nhóm mình và nhóm khác, bình chọn sản phẩm dự án trong phạm vi lớp,...



LUYỆN TẬP

1. Kể tên những hoạt động nên làm và không nên làm trong sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, sạch góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường ở địa phương.

Hoạt động nên làm	Hoạt động không nên làm
?	?
?	?
?	?

2. Lựa chọn thông tin và chia sẻ về biện pháp phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với bảo vệ môi trường ở địa phương.

Biện pháp

• ?

Cách thực
hiện

• ?

Người cùng
thực hiện

• ?



VẬN DỤNG

Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng kế hoạch và thực hiện hoạt động thể hiện trách nhiệm của học sinh trong sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng poster, video, bài viết về sản xuất nông nghiệp xanh và quảng bá sản phẩm nông nghiệp xanh ở địa phương em.

Giải thích thuật ngữ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
KWL	– K: Điều đã biết – W: Điều muốn biết, cần tìm hiểu – L: Điều học được	5
Phong tục	Thói quen, tục lệ đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo.	6
Tập quán	Thói quen đã thành nếp trong đời sống xã hội, trong sản xuất và sinh hoạt thường ngày, được mọi người công nhận và làm theo.	8
Tín ngưỡng	Lòng tin theo một tôn giáo nào đó.	8
ATK	ATK là từ viết tắt của An toàn khu, đây là một khu vực có đủ các yếu tố “địa lợi, nhân hoà”, nhất là có cơ sở quân chúng cách mạng vững chắc, đảm bảo an toàn cho cán bộ và cơ quan lãnh đạo cách mạng, là nơi thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở Việt Nam, có ATK trong thời kì Cách mạng tháng Tám năm 1945 và ATK trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). ATK trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, ATK được xây dựng sâu trong căn cứ địa Việt Bắc (ATK Trung ương) và ATK ở nhiều vùng kháng chiến (ATK địa phương).	25
Dịch vụ logistics	Hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng để hưởng thù lao.	39
Giới	Khái niệm chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.	61
Giới tính	Khái niệm chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ.	53
Đệm lót sinh học	Nền đệm lót được sử dụng trong chăn nuôi, được làm bằng nguyên liệu có độ tro cao (ít bị nước làm nhũn nát như trấu, mùn cưa, rơm, rạ...) trộn với vi sinh vật để phân huỷ phân vật nuôi.	73
VietGAP	Tiêu chuẩn/quy phạm quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho các sản phẩm nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) ở Việt Nam.	70
IoT	Mạng lưới thiết bị kết nối Internet.	72
GIS	Hệ thống thông tin địa lý, thu thập, lưu trữ, kiểm tra và hiển thị dữ liệu liên quan đến các vị trí trên bề mặt Trái đất.	72

Nguồn ảnh

Hình	Nguồn ảnh
Hình 1.1	Huy Hoàng, Báo Tuyên Quang
Hình 1.2	Huy Hoàng, Báo Tuyên Quang
Hình 2.1	Ảnh tư liệu, Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang https://baotuyenquang.dcs.vn
Hình 2.2	Lê Hồng Đức
Hình 2.4	Huy Hoàng, Báo Tuyên Quang
Hình 2.5	Huy Hoàng, Báo Tuyên Quang
Hình 2.6	Thanh Phúc, Báo Tuyên Quang
Hình 2.8	Địa chí Tuyên Quang, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2014
Hình 2.9	Địa chí Tuyên Quang, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2014
Hình 2.10	Địa chí Tuyên Quang, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2014
Hình 2.11	Báo Điện tử nhân dân, http://nhandan.vn
Hình 2.12	Lê Hồng Đức
Hình 2.13	Lê Hồng Đức
Hình 3.2	Vũ Quang – TTXVN
Hình 3.3	Vũ Quang – TTXVN
Hình 3.4	http://snntuyenquang.gov.vn/
Hình 3.6	internet
Hình 3.7	Quốc Việt, báo Tuyên Quang
Hình 4.1	https://baotuyenquang.com.vn
Hình 4.2	https://baotuyenquang.com.vn
Hình 5.2	Nguyễn Thảo Mi, Trường Đại học Tân Trào
Hình 5.3	Mai Lan, https://pbgdpl.tuyenquang.gov.vn
Hình 6.1	Báo Pháp luật Việt Nam

Hình	Nguồn ảnh
Hình 6.2	Huy Hoàng, Báo Tuyên Quang
Hình 6.3	Nguyễn Thị Long, Trung tâm Khuyến nông (Sở NN& PTNT Tuyên Quang)
Hình 6.4	Huy Hoàng, Báo Tuyên Quang
Hình 6.5	Thúy Nga, Báo Tuyên Quang
Hình 6.6	Dương Châu, Báo điện tử Tuyên Quang
Hình 6.7	Nguyễn Mạnh Tường, Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang
Hình 6.8	Quốc Việt - Báo điện tử Tuyên Quang
Hình 6.9	Hải Hương Báo điện tử Tuyên Quang
Hình 6.10	Chí Cường, Xuân Cường, Cổng thông tin điện tử huyện Lâm Bình
Hình 6.11	Trần Liên, Báo điện tử Tuyên Quang
Hình 6.12	Trần Thị Thường, Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang (http://snntuyenquang.gov.vn)
Hình 6.13	yenson.gov.vn
Hình 6.14	https://baotuyenquang.com.vn
Hình 6.15	https://baotuyenquang.com.vn
Hình 6.16	https://tuyenquang.gov.vn
Hình 6.17	http://snntuyenquang.gov.vn

Tập thể tác giả biên soạn xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, hình ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Biên tập nội dung và sửa bản in:

Thiết kế sách và trình bày bìa:

*Ảnh bìa: Lễ hội Khinh khí cầu và Lễ hội Thành Tuyên năm 2022 tại Quảng trường Nguyễn Tất Thành,
thành phố Tuyên Quang*

Bản quyền thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang,



Mã số: GOPH6U001L21

In ... bản, (QĐ 192) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Cơ sở in: ...

Số ĐKXB: 4043-2021/CXBIPH/3-2374/GD

Số QĐXB: ...

Mã số ISBN: 978-604-0-29506-4

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm ...

